TÓM TẮT LUẬN VĂN CAO HỌC KHÓA XI (2010 - 2012)

---

1. Đề tài: Quan hệ Chính trị Việt Nam – Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: *Nghiêm Việt Chung*

Trung Quốc là một nước lớn, đang trỗi dậy mạnh mẽ, ngày càng có vai trò và ảnh hưởng sâu sắc trong khu vực và trên thế giới. Đối với Việt Nam, Trung Quốc là nước láng giềng lớn, truyền thống, có nhiều điểm tương đồng. Trong chính sách đối ngoại của Việt Nam nêu rõ: coi Trung Quốc là một trong những ưu tiên quan trọng hàng đầu. Đối với khu vực và thế giới, Trung Quốc là một nước lớn, có nền kinh tế đứng thứ 2 thế giới.

Quan hệ chính trị giữa Việt Nam và Trung Quốc có tác động lớn đối với quan hệ hợp tác Việt - Trung trên tất cả các lĩnh vực, có vai trò quyết định đối với tổng thể mối quan hệ hai nước, ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển của mỗi nước, đối với hòa bình, ổn định trong khu vực.

Mục đích nghiên cứu Đề tài này nhằm làm rõ những chuyển biến cơ bản trong quan hệ chính trị Việt Nam - Trung Quốc 10 năm đầu thế kỷ XXI; chỉ rõ vai trò, tầm quan trọng của quan hệ chính trị trong tổng thể mối quan hệ giữa hai nước; dự báo triển vọng và đề xuất một số kiến nghị nhằm thúc đẩy quan hệ chính trị Việt Nam - Trung Quốc trong những năm tới.

Ngoài phần lời nói đầu và kết luận, bố cục luận văn gồm 3 chương: Chương 1, tập trung phân tích các nhân tố chủ yếu tác động đến quan hệ chính trị Việt - Trung; Chương 2, phân tích, làm rõ những bước phát triển mới trong quan hệ chính trị giữa hai nước trong những năm đầu thế kỷ XXI. Qua đó, giúp hiểu rõ hơn mối quan hệ "đối tác hợp tác chiến lược toàn diện" Việt - Trung theo phương châm 16 chữ và tinh thần 4 tốt, đồng thời nêu một số tác động của mối quan hệ chính trị đối với các lĩnh khác trong quan hệ Việt - Trung; Chương 3, đưa ra dự báo về sự phát triển quan hệ chính trị Việt - Trung trong thời gian tới và một số kiến nghị nhằm thúc đẩy mối quan hệ này.

Có thể nói, quan hệ chính trị Việt Nam - Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI đã có những bước phát triển mới. Trên nền tảng quan hệ được thể hiện qua phương châm 16 chữ "*láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*" và tinh thần 4 tốt "*láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt*", quan hệ chính trị Việt Nam - Trung Quốc đã được nâng lên thành "*đối tác hợp tác chiến lược toàn diện*". Tuy nhiên, trong quan hệ chính trị hai nước vẫn tồn tại những bất đồng, nghi kỵ lẫn nhau, tin cậy giữa hai nước chưa được thiết lập một cách vững chắc, thậm chí có lúc, có khi còn bị xói mòn do những vấn đề nhạy cảm giữa hai nước liên quan đến biên giới, lãnh thổ, chủ quyền biển đảo. Do vậy, quan hệ chính trị Việt Nam - Trung Quốc là một mối quan hệ *quan trọng nhất, đa dạng nhất, phức tạp nhất và nhạy cảm nhất*, đòi hỏi hai nước cần tăng cường hợp tác, củng cố niềm tin, hóa giải bất đồng, cùng nhau phát triển, có như vậy, quan hệ hai nước Việt Nam - Trung Quốc mới có thể phát triển theo hướng lành mạnh, ổn định, lâu dài./.

2. Đề tài: Biển Đông trong chiến lược phát triển của Trung Quốc

Học viên: Đoàn Khắc Việt

Biển Đông là một trong những vùng biển lớn của khu vực Đông Á, Tây Thái Bình Dương, với diện tích trên 3,5 triệu km2, tiếp giáp với các nước Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Malaysia, Brunei, Inđônêxia, Philippines…; là vùng biển giàu tài nguyên (dầu mỏ, khí đốt, thủy hải sản, du lịch, cảng biển….); có vị trí hết sức quan trọng về đường giao thông hàng hải của khu vực, quốc tế và an ninh quốc phòng đối với các nước xung quanh Biển Đông. Tuy nhiên, Biển Đông cũng là điểm nóng an ninh khu vực do còn tồn tại tranh chấp nghiêm trọng về chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán trên biển và chủ quyền đối với các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa giữa 5 nước 6 bên.

Trung Quốc là nước lớn nhất thế giới về dân số, tổng lượng GDP lớn thứ 2 thế giới, là cường quốc quân sự trong khu vực; đồng thời trong lịch sử chung sống với láng giềng, Trung Quốc đều sử dụng vũ lực để áp đặt ảnh hưởng hoặc giành giật lãnh thổ với láng giềng. Trung Quốc cũng có nhu cầu rất lớn về nguồn lợi thủy hải sản, tài nguyên khoáng sản, an ninh hàng hải… phục vụ phát triển kinh tế. Trong các bên yêu sách, Trung Quốc là đối tượng chính với yêu sách lớn nhất và phi lý nhất ở Biển Đông. Biển Đông có vị trí quan trọng chiến lược đối với sự tồn vong và tương lai phát triển lâu dài của dân tộc Việt Nam. Tham vọng và những bước đi của Trung Quốc ở Biển Đông thực sự là đe dọa an ninh hàng đầu đối với chủ quyền lãnh thổ và an ninh quốc gia của Việt Nam.

Ngoài quyền lợi của các quốc gia liên quan trực tiếp đến tranh chấp, Biển Đông cũng liên quan đến lợi ích quốc gia của các nước lớn trong và ngoài khu vực, nhất là Mỹ, Nhật. Sự điều chỉnh chính sách, chiến lược biển của Trung Quốc trong đó có Biển Đông sẽ tác động sâu rộng tới "điểm nóng" an ninh, hòa bình ổn định ở Biển Đông.

Việc tìm kiếm khả năng giải quyết ổn thỏa tranh chấp Biển Đông thông qua đối thoại, bảo vệ lợi ích chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, đảm bảo an ninh phát triển lâu dài cho đất nước là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và bền bỉ của ngoại giao Việt Nam. Trong bối cảnh phức tạp đó và với tham vọng lớn như vậy Trung Quốc có thể dùng sức mạnh quân sự để thâu tóm toàn bộ Biển Đông hay không? khả năng giải quyết tranh chấp ở Biển Đông sẽ chủ yếu diễn ra theo chiều hướng nào? Việt Nam cần làm gì để đạt được mục tiêu chiến lược của mình trong việc bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ và lợi ích không gian phát triển lâu dài trên hướng biển.

3. Đề tài: Vai trò của nhóm BRICS trong nền chính trị quốc tế đương đại

Học viên: Đào Vũ Hợp

Trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi đặc biệt sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 - 2009, nền chính trị quốc tế đương đại đang chứng kiến những thay đổi quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Trật tự thế giới đa cực đang có xu hướng dần nổi lên, đánh dấu bằng sự trỗi dậy của các nước mới nổi cộng với sức mạnh kinh tế toàn cầu dịch chuyển từ phương Tây sang phương Đông, từ châu Âu và Bắc Mỹ sang châu Á. Xuất phát từ một khái niệm đơn thuần về chỉ số tính toán kinh tế, thuật ngữ BRIC (tên viết tắt của Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc) ra đời năm 2001 nhanh chóng được thể chế hóa và có những bước phát triển quan trọng. Không chỉ tập trung vào các vấn đề kinh tế, chương trình nghị sự của nhóm BRICS trải dài trên tất cả các vấn đề quan trọng của thế giới và đặc biệt, từ kinh tế BRICS đang dần dần gia tăng ảnh hưởng về chính trị.

Tuy nhiên, với các thể chế chính trị và chiến lược phát triển khác nhau nên BRICS không thể tránh khỏi va chạm quyền lợi cũng như mâu thuẫn, đặc biệt về kinh tế. Trong những thập kỷ tới, sức mạnh kinh tế, địa lý của BRICS được cho là sẽ góp phần thúc đẩy sức mạnh chính trị và quân sự của nhóm. Với sự phát triển của nhóm BRICS, trật tự thế giới một cực tập trung vào Mỹ đang có xu hướng chuyển đổi sang hướng đa cực trật tự thế giới mới cân bằng hơn, mang tính đại diện hơn.

Với BRIC và sau này là BRICS, đang có nhiều câu hỏi được đặt ra ví dụ như tương lai của BRICS sẽ là một liên minh hay chuyển đổi thành hình thức hợp tác liên kết khác, hay liệu sự nổi lên của BRICS có thể cho thấy rằng thế giới đang bước vào một kỷ nguyên đa cực mới? Đi vào hai mục tiêu chính là phân tích, đánh giá vai trò, tác động của nhóm BRICS trong nền kinh tế và chính trị thế giới hiện nay và dự báo về xu hướng phát triển trong tương lai, luận văn này bao gồm ba chương chính:

Chương I: Khái niệm nhóm BRICS và một số đặc điểm chính. đi vào hệ thống lại quá trình hình thành, phát triển của nhóm BRICS kể từ khi khái niệm này xuất hiện.

Chương II: Vai trò của nhóm BRICS trong nền kinh tế và chính trị thế giới hiện nay. Tập trung đánh giá về vai trò và tác động của nhóm đối với các quan hệ quốc tế, các thể chế quốc tế cụ thể như LHQ, IMF, WB… trên các mặt kinh tế và chính trị.

Chương III: Triển vọng phát triển của nhóm BRICS. Đưa ra một số đánh giá về chính sách của các thành viên trong BRICS đối với chính nhóm này và dự báo một số mô hình phát triển trong tương lai gần.

4. Đề tài: Đối ngoại Quốc phòng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Học viên: Hoàng Thị Thêm

Trải qua quá trình xây dựng và trưởng thành, hoạt động đối ngoại quốc phòng đã góp phần quan trọng vào xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực và trong nước vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp, đan xen giữa thời cơ, vận hội và khó khăn thách thức. Vì vậy, hoạt động đối ngoại quốc phòng cần tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt đường lối, chính sách quốc phòng, quân sự của Đảng và Nhà nước, phát huy truyền thống đấu tranh ngoại giao – quân sự của dân tộc Việt Nam qua hàng ngàn năm lịch sử và vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới.

Bước vào thời kỳ Đổi mới, hội nhập Quốc tế, nước ta đã có quan hệ ngoại giao với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, quan hệ về quốc phòng với 65 nước. Điểm nổi bật trong hoạt động đối ngoại quốc phòng Việt Nam là đã làm tốt công tác tham mưu, giúp Bộ quán triệt, xác định rõ mục đích, yêu cầu đối ngoại quốc phòng phục vụ an ninh quốc phòng; xác định rõ đối tác, đối tượng, hoạt động đối ngoại có trọng tâm trọng điểm qua từng giai đoạn, gắn đối ngoại quốc phòng với đối ngoại của Đảng và ngoại giao của Nhà nước góp phần đẩy lùi được chính sách cô lập về chính trị, bao vây về kinh tế đối với nước ta, đồng thời kết hợp đối ngoại quốc phòng đa phương để thúc đẩy quan hệ song phương với các quốc gia, kể cả các cường quốc và các trung tâm hàng đầu thế giới. Việt Nam quan hệ với các nước lớn và các nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc, tạo thế, tạo lực đan xen quyền lợi của các nước lớn để đề phòng, ngăn chặn âm mưu của những thế lực thù địch và tư tưởng nước lớn gây sức ép với ta. Bộ Quốc phòng duy trì, củng cố quan hệ tốt với các nước có quan hệ truyền thống; triển khai đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với tất cả các nước để quy tụ sự ủng hộ quốc tế cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời giải quyết được nhiều vấn đề về biên giới trên bộ và trên biển, từng bước nâng cao vị thế của quân đội Việt Nam trên trường quốc tế.

Dựa vào những đánh giá trong và ngoài nước, nhận thấy trong những năm tới, nước ta vẫn đứng trước nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít những thách thức, khó khăn, đặc biệt những mối thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng tăng và đa dạng đòi hỏi nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại quốc phòng phải luôn bám sát sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, phối hợp chặt chẽ với hoạt động ngoại giao Nhà nước và đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng như luôn bám sát diễn biến của tình hình thế giới, khu vực và trong nước nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động đối ngoại quốc phòng Việt Nam, để hoạt động đối ngoại quốc phòng thực sự phát huy vai trò là "mặt trận bảo vệ Tổ quốc từ xa".

5. Đề tài: Vấn đề chất độc da cam trong quan hệ Việt - Mỹ

Học viên Nguyễn Thị Ngọc Hà

Vấn đề chất độc da cam/ dioxin là một vấn đề phức tạp, được coi là một trong những rào cản còn lại trong tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ. Nhận thấy vấn đề này nhận được nhiều sự quan tâm của Nhà nước và Nhân dân ta, tác giả đã cố gắng tổng hợp các kiến thức, xây dựng một bức tranh tổng quát về vấn đề này, nhằm giúp những người quan tâm có cái nhìn khái quát, đầy đủ nhất về vấn đề chất độc da cam/ dioxin trong quan hệ Việt – Mỹ. Luận văn được chia thành 03 chương:

Trong chương 1, tác giả đi vào khái quát lại mối quan hệ Việt – Mỹ kể từ khi kết thúc cuộc chiến tranh của Mỹ tại miền Nam Việt Nam, năm 1975. Quá trình bình thường hóa quan hệ cũng như tiến trình phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục giữa hai nước. Chương 1 cũng đã nêu bật được những nỗ lực giải quyết các vấn đề còn tồn lại sau chiến tranh giữa Việt Nam – Hoa Kỳ, đồng thời cũng đặt vấn đề về việc giải quyết hậu quả chất độc da cam/ dioxin trong mối quan hệ Việt – Mỹ.

Trong chương 2, tác giả tập trung vào vấn đề chất độc da cam/ dioxin và ảnh hưởng của nó đến quan hệ Việt – Mỹ. Tác giả đã nêu bật lên lịch sử vấn đề, quá trình hình thành và những tác động trực tiếp cũng như gián tiếp đến sức khỏe con người và môi trường Việt Nam. Tác giả cũng đã đưa ra những số liệu cụ thể minh hoạt cho những luận chứng về hậu quả của dioxin ở Việt Nam. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã có nhận định về quan điểm của Việt Nam và Mỹ về vấn đề này, để từ đó khái quát hơn nữa về tác động và ảnh hưởng của việc giải quyết chất độc da cam/ dioxin đến việc phát triển hay kìm hãm mối quan hệ Việt – Mỹ.

Trong chương 3, tác giả đã đưa ra những nhận xét, đánh giá cụ thể về việc vấn đề chất độc da cam/ dioxin có ảnh hưởng như nào trong việc phát triển mối quan hệ Việt – Mỹ. Tác giả đã đưa ra được những giải pháp cụ thể như tập trung trong công tác nghiên cứu; công tác đối ngoại và công tác triển khai hoạt động nhằm giải quyết hậu quả chất độc da cam. Một số biện pháp cụ thể như tẩy độc dioxin tại các điểm nhiễm độc còn lại, nâng cấp dịch vụ xã hội lồng ghép cho người khuyết tật tại các tỉnh ưu tiên trong số các tỉnh là đối tượng của chất độc da cam, tăng cường khả năng tái sinh của các vùng đất bị tàn, nâng cao quyền của người khuyết tật, nâng cao kỹ năng quả lý và chuyên môn của các đối tác địa phương, tạo ra cơ chế tài trợ mới và tốt, nâng cao nhận thức ở cả hai nước.

Kết luận

Việc giải quyết vấn đề chất độc da cam/ dioxin là một vấn đề khó, lâu dài và cần có sự nghiên cứu chuyên sâu. Tuy nhiên, tác giả cũng cố gắng hết sức để có thể đưa đến một cái nhìn tổng quan nhất về vấn đề này và những kiến nghị cơ bản, chi tiết nhất nhằm góp phần nhỏ bé vào quá trình Nhà nước và Nhân dân ta đang nỗ lực để giải quyết hậu quả chất độc da cam/ dioxin. Sự hợp tác và đấu tranh đan xen làm nên bức tranh tổng thể, đa sắc màu để người đọc thấy rõ được mặt hợp tác cũng như mặt đấu tranh trong vấn đề này. Quan hệ Việt – Mỹ và vấn đề da cam/ dioxin sẽ còn là một đề tài cần nhiều sự nghiên cứu hơn nữa bởi sự lâu dài trong quá trình giải quyết triệt để vấn đề này.

6. Đề tài : Quan hệ Mỹ - EU sau sự kiện 11/9

Học viên : Nguyễn Thị Hòa Mai

Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) là những siêu cường lớn trên thế giới có mối quan hệ đối tác chiến lược lâu đời. Mối quan hệ giữa hai bờ Đại Tây Dương có ảnh hưởng to lớn tới sân khấu chính trị thế giới, do đó việc nghiên cứu về đặc điểm của mối quan hệ này có ý nghĩa quan trọng trong công tác nghiên cứu quan hệ quốc tế.

Đề tài luận văn đi sâu nghiên cứu quan hệ giữa hai bở Đại Tây Dương trong hai lĩnh vực là kinh tế và chính trị. Cụ thể nghiên cứu những lợi ích và mâu thuẫn của hai bên trong hai lĩnh vực này.

Trong chương một, đề tài cho thấy một cái nhìn tổng quát về lịch sử quan hệ Mỹ - EU kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ II. Thời gian từ sau cuộc chiến thế giới hai tới trước sự kiện 11/9, quan hệ hai bên mặc dù không còn gắn bó chặt chẽ như trong thời kì thế chiến, nhưng về cơ bản Mỹ và EU vẫn là những đồng mình thân cận. Trên phương diện kinh tế, Mỹ hỗ trợ kinh tế cho EU thông qua kế hoạch Marshall, Mỹ ủng hộ cho sự gắn kết châu Âu. Trên phương diện chính trị, Mỹ và EU có chung mục tiêu chống sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản.

Trong chương hai, về mặt chính trị, luận văn cho thấy những vấn đề mâu thuẫn rõ nhất trong quan hệ giữa hai bở Đại Tây Dương, đó là mâu thuẫn trong cuộc chiến ở Irắc, ở Afganistan…Về kinh tế, hai bên cũng có sự cạnh tranh gay gắt trong thương mại, cạnh tranh đồng đôla và đồng euro…Tuy nhiên, sự hợp tác trong NATO, hợp tác trong vấn đề chống khủng bố quốc tế, hợp tác trong việc giải quyết khủng hoảng kinh tế, trong việc giải quyết vấn đề hạt nhân Iran…vẫn là những sợi liên kết cho mối quan hệ này.

Cuối cùng, chương ba phân tích những ràng buộc của mối quan hệ này, từ đó đưa ra triển vọng cho quan hệ giữa hai bờ Đại Tây Dương. Đó sẽ vẫn là một mối quan hệ vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, tuy nhiên hợp tác sẽ ít hơn do tác động của các vấn đề chính trị quốc tế khác. Mỹ sẽ ngày càng quan tâm tới châu Á – Thái Bình Dương nhiều hơn là quan tâm tới châu Âu, do châu Á – Thái Bình Dương có sự phát triển nhanh chóng của các cường quốc như Trung Quốc, Nhật Bản.

7. Đề tài: Quan hệ Nga - Việt dưới thời Tổng thống Dmitry Medvedev

Học viên: An Thị Ngọc Bích

Luận văn tập trung nghiên cứu, phân tích để làm rõ quan hệ Nga – Việt kể từ khi Tổng thống Dmitry Medvedev lên cầm quyền; từ đó dự báo chiều hướng phát triển của quan hệ Nga – Việt trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI. Luận văn gồm Mở đầu, Nội dung và Kết luận. Phần nội dung gồm 3 chương tóm lược như sau:

Chương I: Chương mở đầu chủ yếu đề cập đến mối quan hệ Việt Nam và Liên bang Nga qua hai đời Tổng thống. Từ năm 1991 đến năm 2008, quan hệ Nga – Việt đã đạt được rất nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực như chính trị, đối ngoại, kinh tế, văn hóa, giáo dục… Đây cũng là tiền đề giúp quan hệ Nga – Việt phát triển ngày càng bền chặt hơn.

Chương II: Chương này tập trung nghiên cứu về quan hệ Nga – Việt trên tất cả các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, an ninh – quốc phòng, khoa học – kỹ thuật, văn hóa – giáo dục – đào tạo. Chương II cũng là chương cung cấp thông tin cần thiết về quan hệ Nga – Việt, đưa ra một cái nhìn khái quát để từ đó định hướng cho quan hệ hợp tác giữa hai nước phát triển toàn diện.

Chương III: Chương cuối cùng tập trung đánh giá quan hệ hợp tác Nga – Việt dưới thời Tổng thống Dmitry Medvedev trên nhiều lĩnh vực. Từ đó, tác giả đưa ra dự báo về quan hệ giữa hai nước trong thời gian sắp tới khi Tổng thống Vladimir Putin lên cầm quyền và nêu một số khuyến nghị nhằm tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện Nga – Việt Nam.

Tóm lại: Quan hệ Nga – Việt đã đạt được những thành tựu rất đáng ghi nhận trên nhiều lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo… đến phối hợp quốc tế trên hàng loạt các vấn đề an ninh và hợp tác đối ngoại quan trọng, đưa quan hệ hai nước bước sang một giai đoạn mới với sự phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu, trở thành mối quan hệ chặt chẽ và đáng tin cậy. Thành tựu nổi bật nhất trong sự phát triển quan hệ Nga – Việt trong thời gian qua được thể hiện trên lĩnh vực chính trị – đối ngoại. Quan hệ kinh tế – thương mại đã có nhiều khởi sắc, nhưng tiềm năng hợp tác vẫn cần được tiếp tục phát huy để đạt hiệu quả cao hơn nữa.

8. Đề tài: Hoạt động thông tin đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Học viên: Nguyễn Thị Thu Thủy

Trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có những diễn biến hết sức nhanh chóng và phức tạp, việc đánh giá đúng thực trạng của công tác thông tin đối ngoại, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao vai trò, chất lượng và hiệu quả của công tác thông tin đối ngoại của Đảng và Nhà nước trở thành vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Thông tin đối ngoại là một lĩnh vực công tác quan trọng, luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc của lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta. Là một bộ phận quan trọng trong công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, thông tin đối ngoại có nhiệm vụ làm cho các nước, người nước ngoài, người Việt Nam sinh sống và làm việc ở nước ngoài hiểu về Việt Nam, về đường lối, tranh thủ dư luận chống lại những luận điệu bối xấu, xuyên tạc của các thế lực thù địch, trên cơ sở đó tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các nước, của nhân dân thế giới, sự đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xuất phát từ nhận thức trên, tác giả chọn đề tài "*Hoạt động thông tin đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*" để viết luận văn thạc sỹ, chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

* Kết cấu của Luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về hoạt động thông tin đối ngoại
- Chương 2: Thực trạng triển khai hoạt động thông tin đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2012
- Chương 3: Phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại

9. Đề tài: Quan hệ Ngoại giao Việt Nam – Indonesia từ 1995 đến nay

Học viên: Trương Thị Phương Trang

Trong điều kiện cách mạng mới, trước sự biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường của tình hình thế giới, khu vực; trước xu thế vận động và phát triển của thời đại; trước yêu cầu rất cao của công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng khẳng định và kiên trì đường lối "đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực". Việt Nam đặc biệt coi trọng và phát triển các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với các nước láng giềng, bạn bè truyền thống, các nước Đông Nam Á và ASEAN, trong đó có Indonesia.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn "*Quan hệ Việt Nam - Indonesia từ năm 1995 đến nay*" gồm có 3 chương.

Chương 1: ***Khái quát về quan hệ Việt Nam - Indonesia trước năm 1995:*** Khái quát quan hệ Việt Nam - Indonesia từ khi thiết lập mối quan hệ chính thức từ năm 1955 đến năm 1995. Nhấn mạnh tính truyền thống và sự tương đồng giữa hai quốc gia. Phân tích sự tác động của tình hình thế giới và khu vực, điều làm cho mối quan hệ hai nước bị chi phối và ảnh hưởng khá lớn

Chương 2: ***Quan hệ Việt Nam - Indonesia từ sau 1995:*** Chương này phân tích làm rõ sự tác động của tình hình thế giới và tình hình khu vực ASEAN đối với hai nước Việt Nam - Indonesia và sự điều chỉnh chính sách của hai nước. Trên cơ sở tổng hợp, đánh giá quan hệ giữa nước về nhiều mặt từ sau năm 1995 đến nay, rút ra những kết quả và thành tựu mà hai nước đạt được. Qua đó giúp hiểu rõ hơn về tầm quan trọng trong quan hệ giữa hai nước cũng như tầm quan trọng của mối quan hệ này đối với khu vực và ASEAN.

Chương 3: ***Triển vọng quan hệ Việt Nam – Indonesia:*** Làm rõ một số dự báo lớn về tình hình thế giới, khu vực ASEAN; dự báo tình hình hai nước Việt Nam - Indonesia trong thời gian tới. Đồng thời nêu ra một số biện pháp cơ bản thúc đẩy mối quan hệ tốt đẹp, hữu nghị Việt Nam - Indonesia.

10. Đề tài: Chính sách đối với vấn đề Biển Đông của chính quyền Obama

Học viên: Trịnh Quốc Dũng

Từ trước đến nay, chính sách đối ngoại của Mỹ luôn là một chủ đề thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại trên thế giới. Bởi vì Mỹ là một cường quốc toàn cầu, siêu cường duy nhất của thời kỳ sau chiến tranh lạnh có tầm ảnh hưởng trên toàn thế giới cho nên chính sách của Mỹ không chỉ liên quan đến lợi ích an ninh quốc gia của bản thân nước Mỹ mà còn ảnh hưởng đến lợi ích an ninh và chính sách của hầu hết các nước khác trên thế giới. Tuy không phải là quốc gia trực tiếp liên quan đến vấn đề Biển Đông nhưng với vị trí lãnh đạo của Mỹ trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh thì chính sách của Mỹ có tác động không nhỏ đến diễn biến tình hình ở Đông Á nói chung và ở Biển Đông nói riêng.

Trong thời gian gần đây, Biển Đông đang ngày càng trở thành một vấn đề nóng bỏng, vượt khỏi phạm vi khu vực và thu hút sự quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Đặc biệt trong bối cảnh Biển Đông có sự hiện diện của những nước lớn ngoài khu vực như Mỹ thì tính chất phức tạp của nó càng tăng cao hơn. Nước Mỹ đã ngày càng quan tâm nhiều hơn đến cuộc tranh chấp biên giới dai dẳng nhất của Đông Nam Á trong nhiều năm qua, chủ yếu do những lo ngại về quyền tự do đi lại trên biển và nhu cầu bảo vệ hoạt động kinh doanh của các công ty năng lượng Mỹ. Xuất phát từ những lý do như vậy, việc nghiên cứu chính sách đối ngoại của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông có một tầm quan trọng đặc biệt.

Về kết cấu của Luận văn, ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Luận văn gồm 3 chương:

- Chương I: Khái quát về Biển Đông và tầm quan trọng của Biển Đông.
- Chương II: Chính sách Biển Đông và quá trình triển khai chính sách Biển Đông của Mỹ.
- Chương III: Chính sách của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông trong tương lai.

Luận văn phân tích, làm rõ nội dung và sự triển khai chính sách của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông thời Tổng thống Obama, từ đó đưa ra một số nhận xét, đánh giá về vai trò, lợi ích và mức độ dính líu của Mỹ tại Biển Đông, trên cơ sở đó dự báo một số triển vọng về chiều hướng vận động và xu hướng điều chỉnh chính sách cũng như ảnh hưởng của chính sách này đối với cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

11. Đề tài: Vấn đề Biến đổi khí hậu trong chiến lược an ninh quốc gia Mỹ thời Obama

Học viên: Trần Thu Hằng

Tình trạng biến đổi khí hậu (BĐKH) với những tác động nghiêm trọng của nó đang được xem là một trong những thách thức lớn nhất trong sự phát triển toàn cầu thế kỷ XXI, thu hút không chỉ sự quan tâm của các nhà nghiên cứu mà cả những người hoạt động ngoài lĩnh vực môi trường, không chỉ ở cấp quốc gia, chính phủ mà của mỗi cá nhân.

Nhậm chức tổng thống ngày 20-01-2009, Tổng thống Obama công bố Chiến lược An ninh Quốc gia đầu tiên của chính quyền Mỹ ngày 27-5-2010. Văn bản dày 52 trang này đã chính thức thừa nhận BĐKH là một "vấn đề của thời đại", một trong những thách thức to lớn và phức tạp đối với an ninh quốc gia, và "không một quốc gia, dân tộc nào - dù mạnh đến đâu - có thể tự mình đối phó được". Bên cạnh những thách thức mà BĐKH đặt ra với an ninh và thịnh vượng nước Mỹ, đòi hỏi cách thức giải quyết mau chóng và hiệu quả thì BĐKH, trên một bình diện nào đó, cũng tạo ra những "cơ hội" nhất định cho nước Mỹ. Một trong số đó chính là BĐKH có thể giúp để Mỹ "kéo lùi" Trung Quốc, nước gây khí thải hàng năm lớn nhất hiện nay và là một đối trọng đáng gờm của Mỹ trên trường quốc tế. Mỹ có thể sử dụng BĐKH như một quân bài mặc cả khi đưa ra bất kì cam kết giảm phát thải nào cũng như khi tham gia các Hội nghị LHQ về biến đổi khí hậu. Kết quả là, Mỹ và Trung Quốc vô hình trung đã áp đặt một thỏa ước tay đôi ở các Hội nghị LHQ về BĐKH và áp đặt nghị trình khí thải của họ lên toàn nhân loại, và số phận các Hội nghị này rõ ràng tùy thuộc hai "siêu cường khí hậu".

Năm 2012 đánh dấu một cột mốc quan trọng khi đây là năm bầu cử Tổng thống Mỹ. "Thay quan, đổi chính sách", việc thay đổi người lãnh đạo có thể đưa đến những thay đổi đáng kể về quá trình hoạch định chính sách. Tuy nhiên, vấn đề môi trường nói chung và BĐKH nói riêng cũng sẽ vẫn là một trong những vấn đề mà bất kỳ vị Tổng thống nào cũng buộc phải quan tâm. Nếu vẫn muốn đảm bảo vị trí số 1 thế giới mà Mỹ vẫn theo đuổi, muốn khẳng định vai trò của một siêu cường thế giới có khả năng dẫn dắt các nước khác trong các vấn đề mang tính toàn cầu, Tổng thống Mỹ, dù thuộc Đảng phái nào đi nữa, cũng cần phải chủ động và hành động kiên quyết hơn nữa trong việc cứu hành tinh trong khi vẫn duy trì an ninh, thịnh vượng của nước Mỹ.

12. Đề tài: Chính sách của Mỹ đối với cộng đồng Hồi giáo ở Trung Đông sau sự kiện 11/9/2001

Học viên: Trần Thị Thu Hà

Trung Đông từ lâu đã chiếm một vị trí quan trọng trong chiến lược chính trị của các nước lớn, đặc biệt là mỹ không chỉ vì vị trí địa chính trị của nó mà còn vì trữ lượng dầu thô lớn mà vùng này nắm giữ. Mặc dù là tôn giáo ra đời muộn nhất ở Trung Đông nhưng Hồi giáo hiện nay là tôn giáo có vị trí quan trọng nhất khu vực Trung Đông. Từ sau sự kiện 11/09/2001, khi biểu tượng của sức mạnh quân sự và thịnh vượng kinh tế của Mỹ bị bọn khủng bố - có nguồn gốc từ chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan ở Trung Đông phá hủy, thì chính sách của Mỹ đối với cộng đồng Hồi giáo ở Trung Đông đã có những điều chỉnh. Với mục tiêu lâu dài là duy trì lợi ích của Mỹ ở Trung Đông, cải thiện hình ảnh của Mỹ trong cộng động Hồi giáo thế giới và giành thắng lợi trong cuộc chiến chống khủng bố cả chính quyền của tổng thống Bush và Obama đã điều chỉnh chiến lược Trung Đông.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1, tác giả phân tích về vị trí chiến lược của Trung Đông đối với Mỹ, tổng quan về đạo Hồi và cộng đồng Hồi giáo ở Trung Đông, chính sách của Mỹ đối với cộng đồng này từ sau Chiến tranh lạnh đến sự kiện 11/09/2011 và những mâu thuẫn nảy sinh giữa Mỹ và cộng đồng này trong giai đoạn trên.

Chương 2, **c**hương này trình bày những yếu tố dẫn tới điều chỉnh chính sách của Mỹ qua các yếu tố quốc tế và nội bộ nước Mỹ trước và sau sự kiện 11/09 và việc triển khai chính sách thông qua một số vấn đề nổi bật ở Trung Đông.

Chương 3, chương này sẽ phân tích những tác động của chính sách của Mỹ đối với khu vực và thế giới.

Từ các phân tích trên, tác giả nhận định tuy Mỹ đã điều chỉnh chính sách đối với cộng đồng Hồi giáo ở Trung Đông sau sự kiện 11/09/2001 nhưng chưa giải quyết được căn nguyên của vấn đề gây mất ổn định ở Trung Đông, việc triển khai chính sách của Mỹ đối với cộng động này đã tác động đến quan hệ quan hệ quốc tế, làm diễn biến của cuộc chiến chống khủng bố theo chiều hướng đa dạng và phức tạp, chính sách của Mỹ chưa cải thiện được tâm lý của thế giới Hồi giáo đối với Mỹ, đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn nữa của tổng thống Mỹ trong nhiệm kỳ tới.

13. Đề tài: Tác động của quan hệ Mỹ - Trung đến an ninh Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: Phạm Văn Mỹ

Bước sang thế kỷ XXI, Mỹ tiếp tục là siêu cường duy nhất của thế giới (kể từ sau khi Liên Xô sụp đổ), muốn làm bá chủ toàn cầu. Trong khi đó, Trung Quốc là cường quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ và cũng có nhiều ý đồ lớn, đặc biệt là việc thiết lập một trật tự quốc tế đa cực, mà ở đó Trung Quốc là một cực quan trọng, không chấp nhận vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ. Quan hệ Mỹ - Trung trong 10 năm đầu thế kỷ XXI dù có những lúc rất căng thẳng, nhưng đều có điểm dừng bởi cả hai bên đều nhận thức được sự nguy hiểm của việc đổ vỡ quan hệ. Bên cạnh đó, những ràng buộc ngày càng tăng về kinh tế khiến cho hợp tác và đấu tranh đã trở thành hai mảng chủ đạo với nhiều thăng trầm phức tạp trong quan hệ Mỹ - Trung giai đoạn này.

Đông Nam Á là khu vực chịu ảnh hưởng khá lớn của Trung Quốc trong chiến lược mở rộng ảnh hưởng, trở thành siêu cường khu vực. Đồng thời, đây cũng là khu vực an ninh có tính truyền thống của Mỹ, đang ngày càng trở nên quan trọng hơn đối với Mỹ trong chính sách khu vực và trong việc kiềm chế, ngăn chặn Trung Quốc trong thế kỷ XXI. Do đó, Đông Nam Á đã trở thành địa bàn thể hiện rõ nét các sắc thái hợp tác và cạnh tranh của hai cường quốc hàng đầu thế giới này. Bất kể mọi thăng trầm trong quan hệ Mỹ-Trung đều có ảnh hưởng và tác động quan trọng đối với an ninh khu vực.

Đề tài ***"Tác động của quan hệ Mỹ - Trung đến an ninh Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI"*** nhằm giải quyết những câu hỏi sau: *(i) Sự thăng trầm trong quan hệ Mỹ-Trung giai đoạn này tác động thuận, nghịch như thế nào đến các vấn đề an ninh khu vực Đông Nam Á?* và *(ii) Triển vọng quan hệ Mỹ-Trung và tác động đến an ninh Đông Nam Á trong thời gian tới*. Đề tài được chia làm 3 chương. Ở **chương 1,** tác giả khái quát tình hình quan hệ giữa hai cường quốc hàng đầu thế giới cũng như những chính sách của hai nước đối với khu vực Đông Nam Á ở giai đoạn này. Từ những phân tích về quan hệ Mỹ-Trung, trong **chương 2,** tác giả đánh giá tác động của cặp quan hệ này đối với các vấn đề an ninh theo từng cấp độ: *(i) An ninh nội bộ các nước; (ii) An ninh khu vực* và *(iii) Các thách thức an ninh ngoài khu vực* của Đông Nam Á. **Chương cuối,** tác giả đưa ra những dự báo liên quan đến triển vọng của cặp quan hệ này dựa trên những phân tích về tiềm lực và các yếu tố tác động đến quan hệ hai nước trong 10 năm tới, đồng thời cũng sẽ chỉ ra một số tác động mà cặp quan hệ này có thể mang lại đối với an ninh khu vực Đông Nam Á.

14. Đề tài: Quá trình thực hiện chiến lược *"trỗi dậy hoà bình"* trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc

Học viên: Phạm Thanh Bình

Sự phát triển ngoạn mục về kinh tế của Trung Quốc trong suốt 3 thập kỷ vừa qua là đề tài thu hút sự quan tâm lớn của quốc tế. Trong đó, vấn đề mà cộng đồng quốc tế quan tâm và đặt nhiều câu hỏi là mang tính tích cực hay tiêu cực; mô hình phát triển của Trung Quốc trong tương lai sẽ như thế nào? Liệu sự phát triển và trỗi dậy của Trung Quốc sẽ là nhân tố thúc đẩy hòa bình, ổn định ở khu vực trên thế giới hay sẽ lại đưa đến tranh chấp, xung đột, tăng trưởng kinh tế có dẫn đến sự bành trướng về đối ngoại?

Trước những nghi ngại, băn khoăn của cộng đồng quốc tế, ngay từ những năm đầu của thế kỷ XXI, Trung Quốc đưa ra quan điểm về "*trỗi dậy hòa bình*" và tiếp tục được thể hiện qua những biến thể mới như "*trỗi dậy hòa bình*", "*phát triển khoa học*", "*phát triển hài hòa*" ... Tuy nhiên, những luận điểm này – bản thân nó chưa đủ sức thuyết phục và giải đáp các nghi ngại, băn khoăn nói trên, đòi hỏi phải truy ngược, tìm hiểu tận gốc những vấn đề có tính cơ sở lý luận và thực tiễn.

Đề tài Luận văn này tập trung nghiên cứu việc chiến lược trỗi dậy của Trung Quốc thông qua chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Là một bộ phận cấu thành của chiến lược này, nhất là dưới chiêu bài "*hòa bình*", đương nhiên chính sách đối ngoại của Trung Quốc là công cụ đắc lực để triển khai, thực thi các mục tiêu trong chiến lược "*trỗi dậy hòa bình*" của họ. Mục tiêu của luận văn là làm rõ quá trình thực thi chiến lược "*trỗi dậy hòa bình*" của Trung Quốc trên góc độ chính sách đối ngoại của nước này như thế nào, liên hệ từ chính sách đến thực tế, rút ra một số nhận định sơ bộ về thực chất của chiến lược trỗi dậy của Trung Quốc cũng như sự tác động của quá trình triển khai trên thực tiễn đối với Việt Nam.

Trên cơ sở đó, kết cấu luận văn gồm 3 phần:

Chương I: Những tiền đề cơ bản của hình thành chiến lược "*trỗi dậy hòa bình*" (cơ sở lịch sử tư tưởng, giai đoạn đầu của quá trình cải cách, mở cửa ở Trung Quốc).

Chương II: Giới thiệu những nội dung chủ yếu về chiến lược "*trỗi dậy hoà bình*" của Trung Quốc; Tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các nguồn tài liệu nhằm tái hiện lại bức tranh tổng thể về quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong phạm vi chiến lược "*trỗi dậy hoà bình*".

Chương III: Bước đầu làm rõ thêm về sự tác động của chiến lược "*trỗi dậy hoà bình*" đối với thế giới, khu vực và Việt Nam.

15. Đề tài: Chủ nghĩa khu vực Đông Á: Lý luận và thực tiễn

Học viên: Nguyễn Xuân Ánh

Khu vực hóa và chủ nghĩa khu vực thông qua các mô hình hợp tác đang trở thành xu thế phát triển ở nhiều khu vực trên thế giới trong một vài thập kỷ qua. Tuy nhiên, đây có thể vẫn còn là khái niệm mới mẻ trong quan hệ giữa các nước Đông Á. Sự ra đời của ASEAN và sau đó là sáng kiến lập Nhóm Kinh tế Đông Á (EAEG) là những nỗ lực đầu tiên đưa tới chủ nghĩa khu vực để liên kết các nước khu vực với nhau.

Hợp tác khu vực Đông Á dựa trên nền tảng những nỗ lực của sự tương tác về kinh tế và chính trị giữa chính phủ các quốc gia trong khu vực. Với những cơ chế hợp tác chính hiện nay trong khu vực như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), ASEAN với Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản (ASEAN+3). Một số ý kiến thể hiện sự tin tưởng lạc quan về tương lai và tính khả thi của chủ nghĩa khu vực Đông Á. Tuy nhiên, một số câu hỏi đặt ra cần giải đáp đối với các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách đó là liệu những ý tưởng về chủ nghĩa khu vực vốn đã có điều kiện hình thành và bền vững ở châu Âu có tính khả thi tại một khu vực có tính đa dạng như Đông Á hay không? Và liệu đây có phải là một sáng kiến phục vụ cho một cá nhân hay sẽ giúp cho sự ổn định và phát triển của khu vực?

Đề tài "***Chủ nghĩa khu vực Đông Á: Lý luận và Thực tiễn***" được thực hiện nhằm góp phần giải quyết những câu hỏi trên. Luận văn sẽ tiếp cận giải quyết vấn đề theo góc độ chủ nghĩa khu vực trên cở sở nghiên cứu những cơ chế hợp tác chính dẫn đến việc hình thành chủ nghĩa khu vực ở khu vực Đông Á. Những tác động ở khu vựcì đối với sự tăng trưởng, phát triển của Việt Nam.

Luận văn nghiên cứu quá trình hình thành chủ nghĩa khu vực ở Đông Á nhằm giải quyết một số vấn đề chính sau:

Những nhân tố chính nào tác động tới chủ nghĩa khu vực ở Đông Á? Chủ nghĩa khu vực Đông Á có thể dựa vào một số cơ chế hợp tác chính của khu vực hay không? Tác động của quá trình hình thành chủ nghĩa khu vực đối với Việt Nam, một chủ thể tích cực trong khu vực, như thế nào? Và Việt Nam cần làm gì để có thể thúc đẩy hiệu quả các cơ chế hợp tác trong khu vực. Luận văn tập trung nghiên cứu sự hình thành của chủ nghĩa khu vực Đông Á dựa vào một số lý thuyết Quan hệ Quốc tế chính thể hiện qua một số cơ chế hợp tác chính trong khu vực là ASEAN, ASEAN+3, EAS và APEC dưới góc độ chủ nghĩa khu vực./.

16. Đề tài: Vấn đề Biển Đông trong quan hệ Trung Quốc – ASEAN sau Chiến tranh lạnh

Học viên: Nguyễn Thị Diễm Ngọc

Hiện nay, Biển Đông là một khu vực có vị trí địa lý vô cùng quan trọng cả về tài nguyên biển và đường hàng hải quốc tế thu hút sự quan tâm không chỉ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương mà của cả cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, đây cũng là một trong những nơi có nguy cơ xảy ra xung đột, có thể coi là một "điểm nóng" tiềm tàng về an ninh và ổn định của khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Đến nay, đã có nhiều nỗ lực nhằm giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông hoặc chí ít là xây dựng lòng tin giữa các bên nhằm kiềm chế xung đột tiềm tàng, ngăn chặn đụng độ quân sự mà chủ yếu là thông qua thương lượng, đàm phán. Điển hình như việc kí kết Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 (DOC) giữa Trung Quốc và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Tuy nhiên, kết quả vẫn chưa được như mong đợi, căng thẳng vẫn thường xuyên xảy ra.

Việc tìm hiểu các điều kiện địa kinh tế cũng như vị trí địa chiến lược của Biển Đông sẽ cho chúng ta những nhận định đánh giá khách quan về những gì đang diễn ra ở khu vực này. Việc đưa vấn đề Biển Đông vào bối cảnh quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN vừa có giá trị ứng dụng thực tiễn, vừa có ý nghĩa học thuật để tham khảo trong nghiên cứu chuyên ngành quan hệ quốc tế. Đồng thời việc nghiên cứu cách thức Trung Quốc và ASEAN tương tác với nhau tại Biển Đông có tầm quan trọng và ý nghĩa đặc biệt chiến lược đối với Việt Nam (một trong các bên liên quan) trong xây dựng đường lối, chính sách đối ngoại nói chung và xử lý quan hệ với các bên liên quan nói riêng.

Nhận rõ tầm quan trọng của vấn đề nghiên cứu trên đây, tác giả chọn đề tài: "Vấn đề Biển Đông trong quan hệ Trung Quốc – ASEAN sau chiến tranh lạnh". Đề tài được chia làm ba chương, cụ thể: Chương 1: Một số nét chính về quan hệ Trung Quốc – ASEAN và vấn đề Biển Đông từ 1991 tới nay; Chương 2. Trung Quốc – ASEAN tại Biển Đông: Lợi ích – chính sách và diễn biến từ 1991 tới nay; Chương 3. Chiều hướng phát triển của vấn đề Biển Đông và quan hệ Trung Quốc – ASEAN.

Trong chương 1, tác giả đưa ra cái nhìn tổng thể về quan hệ Trung Quốc và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam (ASEAN) sau chiến tranh lạnh tới nay, đặc biệt là vấn đề Biển Đông. Trong đó nêu rõ thực chất vấn đề Biển Đông là gì và vấn đề Biển Đông trong quan hệ Trung Quốc – ASEAN là gì. Tiếp đó, tác giả đánh giá khái quát về lợi ích – chính sách của Trung Quốc và ASEAN tại Biển Đông đồng thời phân tích thực trạng mối quan hệ này thông qua diễn biến một vài sự kiện lớn tác động tác động tới lợi ích và chính sách tại Biển Đông của các nước liên quan trong chương 2. Cuối cùng trong chương 3, trên cơ sở đưa ra những dự đoán về chiều hướng phát triển của vấn đề Biển Đông, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị đối với chính sách của Việt Nam về vấn đề Biển Đông đồng thời đề xuất một số giải pháp đối với Việt Nam nhằm tranh thủ ASEAN trong vấn đề Biển Đông thời gian tới.

17. Đề tài: Chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Australia những năm đầu thế kỷ XXI

Học viên: Nguyễn Duy Khánh

Những năm gần đây, tình hình thế giới và khu vực vẫn tiếp tục có những biến động khôn lường, buộc các quốc gia trong khu vực, trong đó có Australia vẫn phải tiếp tục tăng cường hợp tác vì một khu vực hòa bình, ổn định và thịnh vượng, có ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các nước. Với tư cách là một cường quốc hạng trung trong khu vực, Australia đã có một chính sách như thế nào để đối phó được với những diễn biến nhanh chóng trong thời gian qua, đồng thời chúng ta có thể rút ra được những kinh nghiệm gì từ việc hoạch định chính sách đối ngoại của quốc gia này. Vì những lý do đó, tôi đã quyết định chọn vấn đề ***"Chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Australia những năm đầu thế kỷ XXI"*** làm đề tài luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế của mình. Ngoài ra, việc nghiên cứu đề tài này còn góp phần làm sáng tỏ những xu hướng vận động chính của khu vực, của các tổ chức khu vực, cũng như sự điều chỉnh chính sách của các quốc gia khác, làm cơ sở cho việc đưa ra những gợi ý chính sách cho Việt Nam.

Kết cấu luận văn này gồm có 03 chương như sau:

Chương 1: Trình bày khái quát nội dung, quá trình triển khai và kết quả thực hiện chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Australia từ năm 1991 đến 2001.

Chương 2: Trình bày sự điều chỉnh chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Australia từ năm 2001 - đến nay, chương này nêu bật những nhân tố tác động đến chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Australia. Đồng thời, phân tích chính sách "Trở về với phương Tây" của chính phủ Liên đảng Tự do - Dân tộc cũng như sáng kiến thành lập Cộng đồng châu Á - Thái Bình Dương (APC) của chính phủ Công đảng.

Chương 3: Trình bày kết quả và tác động của chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Australia từ năm 2001 - đến nay.

18. Đề tài: Lợi ích quốc gia của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Học viên: Ngô Quang Anh

"Lợi ích quốc gia" cho đến nay vẫn là một vấn đề cốt lõi trong quan hệ giữa các nước, là một khái niệm then chốt trong quan hệ quốc tế, có ý nghĩa cấp thiết cả trên hai bình diện lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, xung quanh vấn đề này vẫn còn không ít những tranh luận.

Sang đến thế kỷ XXI, khái niệm này không còn mới trong hệ thống chính trị quốc tế. Nó luôn được mọi thành viên trong hệ thống cân nhắc và xem xét bất chấp mọi lập luận của các nhà nghiên cứu hay hoạch định chính sách. Đồng thời, mọi thành viên trong hệ thống chính trị thế giới đều có lợi ích quốc gia riêng của mình. Việt Nam cũng là một thành viên trong cộng đồng quốc tế và khu vực, vì vậy sẽ có những tính toán riêng cho quốc gia mình trong mỗi giai đoạn lịch sử. Trải qua hơn 25 năm thực hiện đổi mới trong nước và quốc tế vận động không ngừng, tác động to lớn tới nhận thức của Việt Nam về lợi ích quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Nền tảng lý luận và thực tiễn để xác định lợi ích quốc gia của Việt Nam thời gian qua có nhiều thay đổi, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh nhất định lợi ích quốc gia cho phù hợp với tình hình mới. Các nội dung được xác định trong lợi ích quốc gia chính là nền tảng cơ bản để chỉ đạo các nguyên tắc, phương châm, chính sách đối ngoại và các hoạt động bang giao của đất nước.

Luận văn nghiên cứu "***Lợi ích quốc gia của Việt Nam trong bố cảnh hội nhập quốc tế***" được triển khai nhằm giải quyết một số vấn đề chính sau:

Những nhân tố chính nào tác động tới lợi ích quốc gia của các nước và của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế? Việt Nam đã triển khai các lợi ích đó như thế nào trong bối cảnh mới? Và Việt Nam cần làm gì để có thể thúc đẩy hiệu quả các cơ chế hợp tác trong khu vực. Luận văn tập trung nghiên cứu khái niệm về lợi ích nói chung và lợi ích của Việt Nam và triển khai thực hiện lợi ích được nêu của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Thời gian chủ yếu tập trung vào giai đoạn từ khi triển khai đổi mới đến nay.

Trên cơ sở sử dụng phương pháp luận mác-xít, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp hệ thống và nhiều phương pháp khác nhằm làm sáng tỏ vấn đề được đặt ra trong luận văn.

19. Đề tài: An ninh năng lượng trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI

Học viên: Lưu Việt Hà

Năng lượng - trong đó đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt đang ngày càng trở thành vấn đề sống còn đối với sự ổn định và an ninh của các quốc gia trên thế giới. Với trữ lượng có hạn, trong khi nhu cầu sử dụng của con người không ngừng tăng, năng lượng đang ngày một cạn kiệt dần. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến những cuộc săn tìm năng lượng trên toàn cầu. Trong thập kỷ tới đây, việc bảo đảm cung ứng nguồn năng lượng phục vụ cho phát triển đang và vẫn sẽ là thách thức lớn mang tính lâu dài đối với Trung Quốc. Trung Quốc sẽ tiếp tục áp dụng chính sách "ngoại giao năng lượng" với các quốc gia, các khu vực bằng mọi cách để nắm sự chủ động trong việc đối phó an ninh năng lượng. Thậm chí, có người đã gọi "ngoại giao năng lượng" của Trung Quốc là "*Ngoại giao vết dầu loang*". Nó không đơn thuần chỉ phục vụ cho mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển kinh tế trong nước, mà còn là cách thức để nước này đạt được những mục tiêu chiến lược cao hơn. Là quốc gia đông dân nhất thế giới, lại có nền kinh tế phát triển với tốc độ cao, Trung Quốc cũng đang phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt năng lượng nghiêm trọng. Từ một quốc gia xuất khẩu dầu, Trung Quốc đã trở thành nước nhập khẩu dầu vào năm 1993 và hiện nay là quốc gia tiêu thụ nhiều dầu thứ hai thế giới chỉ sau Mỹ. Trong các nguồn năng lượng được sử dụng ở Trung Quốc, than đá và dầu mỏ chiếm vị trí hàng đầu. Đây là hai nguồn năng lượng có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với ngành sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải của Trung Quốc - những ngành mà các loại nhiên liệu khác chưa thể thay thế được. Để duy trì và đảm bảo nền kinh tế phát triển ổn định thì nhu cầu về năng lượng của Trung Quốc là rất lớn và ngày một tăng cao. Trong suốt quá trình cải cách kinh tế, Trung Quốc đã đề ra một số giải pháp để hướng tới đảm bảo an ninh năng lượng cho mình, tuy nhiên, những nguồn năng lượng từ bên trong và bên ngoài của Trung Quốc đang dần cạn kiệt đi, đã đặt ra một bài toán khó đối với vần đề phát triển nền kinh tế đang phát triển hết sức mạnh mẽ và nhanh chóng của Trung Quốc. Vì vậy, An ninh năng lượng nói chung và an ninh dầu mỏ nói riêng chắc chắn sẽ là vấn đề lớn, một thách thức chủ yếu trên con đường tiến tới và duy trì vị trí cường quốc của Trung Quốc trong tương lai. Chiến lược an ninh năng lượng trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc là vấn đề khoa học lớn, cần được quan tâm nghiên cứu đầy đủ, có cách nhìn phù hợp, để có những gợi ý, bài học giá trị cho Việt Nam.

20. Đề tài: Vai trò của Ấn Độ đối với an ninh Châu Á – Thái Bình Dương từ năm 2000 đến nay

Học viên: Lê Tuyết Nga

Bước sang thế kỷ XXI, Ấn Độ có vai trò ngày càng quan trọng trên bản đồ thế giới nói chung và khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói riêng. Việc cân bằng quyền lực với các nước lớn tại châu Á – Thái Bình Dương như Mỹ, Trung Quốc, Nga... là yếu tố luôn được các nhà hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ quan tâm. Ngoài việc phát huy tốt vai trò lãnh đạo tại Nam Á – "*không gian sinh tồn*" của mình, vai trò của Ấn Độ trong việc tăng cường hoà bình, ổn định và phát triển tại Đông Nam Á được nhiều quốc gia trong khu vực ghi nhận. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng đã có nhiều nỗ lực trong quá trình hợp tác với các quốc gia Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc) trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Trong thời gian tới, có nhiều yếu tố chi phối đến việc dự báo triển vọng vai trò của Ấn Độ đối với an ninh khu vực, tuy nhiên vai trò ngày càng gia tăng của Ấn Độ tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương là điều khó có thể thay đổi từ nay đến năm 2020.

Luận văn *"**Vai trò của Ấn Độ đối với an ninh Châu Á – Thái Bình Dương từ năm 2000 đến nay**"* được bố cục thành 3 chương, không kể phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, mục lục:

Chương 1: Khái quát về an ninh khu vực châu Á – Thái Bình Dương và các nhân tố thúc đẩy Ấn Độ tham gia vào cấu trúc khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ năm 2000 đến nay.

Chương 2: Vai trò của Ấn Độ đối với an ninh khu vực Châu Á – Thái Bình Dương những năm đầu thế kỷ XXI.

Chương 3: Triển vọng vai trò của Ấn Độ đối với an ninh châu Á- Thái Bình Dương đến năm 2020.

21. Đề tài: Ảnh hưởng của việc Trung Quốc hiện đại hóa quân sự đối với an ninh khu vực Đông Bắc Á

Học viên: Lê Ngọc Tân

Khu vực Đông Bắc Á bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên, Đài Loan, Mông Cổ và vùng Viễn Đông của nước Nga. Trung Quốc là một cường quốc ở khu vực Đông Bắc Á. Vì vậy, việc Trung Quốc hiện đại hoá quân sự, tăng cường quá nhanh sức mạnh quân sự và gia tăng hoạt động quân sự đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình an ninh ở khu vực này. Việc hiện đại hoá quân sự của Trung Quốc khiến cho các nước trên thế giới lo ngại. Đặc biệt là các nước láng giềng xung quanh Trung Quốc. Việt Nam là một nước láng giềng ở phía nam Trung Quốc. Từ trong lịch sử, quan hệ giữa hai nước đã có nhiều thăng trầm. Mọi động thái tăng cường quân sự của Trung Quốc đều tác động trực tiếp đến Việt Nam

Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về quá trình hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc và làm rõ những tác động của việc Trung Quốc hiện đại hoá quân sự tới an ninh khu vực Đông Bắc Á, cụ thể như sau:

- Phân tích những nguyên nhân dẫn đến việc Trung Quốc tiến hành hiện đại hóa quân sự và khái quát quá trình hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay.

- Phân tích tác động của việc Trung Quốc hiện đại hóa quân sự đối với an ninh khu vực Đông Bắc Á. Liên hệ những ảnh hưởng của việc Trung Quốc hiện đại hóa quân sự đối với Việt Nam./.

22. Đề tài: Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ đầu thế kỷ XXI đến nay

Học viên: Lê Đức Trung

Sau khi Liên Xô tan rã, Mỹ trở thành siêu cường thế giới duy nhất với sức mạnh quốc gia tổng hợp và trên từng mặt vượt xa tất cả các đồng minh và đối tác. Vì vậy, thay thế cho "*Trật tự thế giới hai siêu cường*" là "*Cục diện nhất siêu đa cường*".

Trong bối cảnh quốc tế mới, Nga đã không ngừng thay đổi, điều chỉnh chính sách và các mối quan hệ cả song phương lẫn đa phương sao cho phục vụ tốt nhất lợi ích quốc gia mình nhất là đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương - cửa ngõ quan trọng của Nga ở phía Đông nhằm cân bằng lực lượng với các nước phương Tây và nâng cao ảnh hưởng của mình đối với khu vực này.

Mục đích của luận văn là trên cơ sở phân tích làm rõ bối cảnh quốc tế từ đầu thế kỷ XXI, tình hình khu vực CA - TBD cũng như vị trí của nước Nga từ sau khi Putin trở thành Tổng thống để tái dựng thực trạng và phân tích nội dung của chính sách đối ngoại của Nga đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đồng thời làm rõ những điều chỉnh chính sách của Nga đối với Việt Nam, một để mối quan hệ hợp tác toàn diện Nga - Việt là trụ cột trong quan hệ Nga - ASEAN.

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận văn đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu như sau:

- Khái quát tình hình quốc tế, tình hình khu vực CA - TBD và vai trò và vị trí của nước Nga từ sau chiến tranh lạnh.

- Làm rõ chính sách đối ngoại của Liên bang Nga đối với khu vực CA - TBD; đặc biệt phân tích về những thay đổi, điều chỉnh của Nga trong vấn đề này so với thời kỳ trước.

- Trên cơ sở phân tích những nội dung trên, luận văn còn chủ đích hướng tới việc tìm hiểu sự tác động của chính sách đối ngoại của Nga đối với khu vực đến Việt Nam.

- Đưa ra dự báo về triển vọng của mối quan hệ giữa Nga với các nước trong khu vực CA - TBD.

23. Đề tài: Tác động của Internet đến Quan hệ Quốc tế

Học viên: Hoàng Quốc Việt

Cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, Internet đã ra đời và nhanh chóng phát triển, trở thành một trong những nhân tố quan trong trong đời sống quốc tế.

Trong quan hệ quốc tế (QHQT), Internet đã được khai thác, đã trở thành một công cụ quan trọng, hữu hiệu giúp cho nhiều nước thành công, nhưng cũng làm cho không ít nước lao đao, lúng túng. Thực tế trên cho thấy, rất cần nghiên cứu sâu về tác động của Internet đến QHQT. Đó là lý do thúc đẩy tác giả lựa chọn vấn đề: ***"Tác động của Internet đến QHQT"*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp cao học, chuyên ngành QHQT.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn được chia làm 3 chương, cụ thể:

Chương 1: Một số lý luận chung về Internet

Trong chương 1, luận văn sẽ làm rõ định nghĩa về Internet, quá trình hình thành và phát triển của Internet. Tác giả đề cập đến 2 nhân tố của Internet có tác động lớn nhất đến xã hội và các vấn đề quốc tế hiện nay đó là mạng xã hội và chiến tranh mạng.

Chương 2: Tác động của Interner đến Quan hệ quốc tế

Trên cơ sở phân tích một cách chọn lọc, có hệ thống các sự kiện quốc tế xảy ra gần đây, trong chương 2 luận văn sẽ làm rõ những tác động tích cực và tiêu cực của Internet đến QHQT.

Chương 3: Internet trong hoạt độn ngoại giao của Việt Nam

Trong chương này, luận văn sẽ đưa ra dự báo các ảnh hưởng của Internet đến QHQT trong thế ký 21. Đồng thời trên cơ sở phân tích thực trạng của Internet trong nước, tác giả đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế mặt tiêu cực và phát huy mặt tích cực của Internet trong hoạt động ngoại giao tại Việt Nam.

24. Đề tài: Ngoại giao công chúng Mỹ từ sau sự kiện 11/9/2001 đến nay

Học viên: Đào Quyền Trưởng

Xu thế hội nhập quốc tế ngày càng phát triển, nhu cầu về thông tin, giao lưu văn hóa và giáo dục giữa các nước và các dân tộc ngày càng tăng. Do đó, ngoại giao công chúng càng trở nên quan trọng trong quan hệ quốc tế. Mỹ là một nước điển hình trong việc triển khai chính sách ngoại giao này. Đặc biệt, sau sự kiện 11/9/2001, hoạt động ngoại giao công chúng Mỹ, vốn một thời gian dài bị xem nhẹ, đã trở một công cụ quan trọng trong việc triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ.

Nghiên cứu vấn đề này để rút ra một số kinh nghiệm, bài học phù hợp cho hoạt động ngoại giao văn hóa của Việt Nam. Nhất là trong bối cảnh, Việt Nam đang tiến hành chính sách ngoại giao toàn diện.

Luận văn "***Ngoại giao công chúng Mỹ từ sau sự kiện 11/9/2001 đến nay***" được bố cục thành 3 chương, không kể phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo:

Chương 1: ***Cơ sở của ngoại giao công chúng Mỹ sau 11/9/2001:*** tập trung tìm hiểu khái quát về ngoại giao công chúng nói chung và tổng quan về ngoại giao công chúng của Mỹ nói riêng. Đồng thời chỉ ra tầm quan trọng của ngoại giao công chúng trong việc thực thi chính sách đối ngoại của Mỹ từ sau sự kiện 11/9/2001 đến nay.

Chương 2: ***Triển khai hoạt động ngoại giao công chúng của các chính quyền Mỹ từ sau 11/9/2001:*** tập trung tìm hiểu quan điểm, chính sách và các hoạt động ngoại giao công chúng Mỹ của chính quyền Bush và chính quyền Obama.

Chương 3: ***Đánh giá hoạt động ngoại giao công chúng Mỹ từ sau sự kiện 11/9/2001 đến nay và khuynh hướng ngoại giao công chúng Mỹ trong thời gian tới:*** đưa ra những đánh giá về thành tựu và mặt hạn chế của chính sách ngoại giao công chúng Mỹ từ sau sự kiện 11/9/2001, khái quát về quá trình hoạt động của ngoại giao công chúng Mỹ trong quan hệ với Việt Nam và những bài học phù hợp cho Việt Nam, đồng thời nghiên cứu khuynh hướng của ngoai giao công chúng Mỹ trong thời gian tới.

25. Đề tài: Tổ chức Hợp tác Thượng Hải và vai trò của Nga trong tổ chức này

Học viên: Chu Thị Vân Anh

Sự chú ý gần đây của thế giới đang hướng đến một tổ chức hợp tác khu vực, có vị trí ngày càng vươn rộng ra châu Á và thế giới - Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (tên viết tắt là SCO). Với tính chất mở, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải đang mở rộng giới hạn cả về địa lý và lĩnh vực hợp tác. Từ một cơ chế đơn giản ban đầu, đến nay SCO đã trở thành một tổ chức quốc tế có tiềm lực lớn và trong tương lai có thể trở thành một đối tác mới quan trọng của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Tuy nhiên, do SCO có hai thành viên chủ chốt, đóng vai trò "sáng lập viên" là Nga và Trung Quốc, trong khi quan hệ giữa hai nước này với Mỹ và các nước phương Tây đang tồn tại nhiều bất đồng, nên một trong những vấn đề mà cộng đồng quốc tế rất quan tâm là liệu SCO có thể trở thành một "NATO phương Đông" hay không? Đặc biệt, liệu Nga có ý định biến SCO thành một liên minh quân sự đối trọng với NATO hay không? Đề tài "***Tổ chức Hợp tác Thượng Hải và vai trò của Nga trong tổ chức này***" góp phần trả lời những câu hỏi đó.

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, luận văn được chia làm 3 chương, cụ thể:

Chương 1: ***Quá trình ra đời và phát triển của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải***

Chương này phân tích những nhân tố thúc đẩy sự ra đời của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải để thấy được việc thành lập tổ chức này là sự kết hợp cả những nhân tố chủ quan và khách quan. Tiếp đó là việc phân tích quá trình phát triển của tổ chức từ cơ chế Nhóm Thượng Hải 5 đến Tổ chức Hợp tác Thượng Hải. Những tổng kết, đánh giá các giai đoạn phát triển của tổ chức đã giúp khẳng định sự lớn mạnh của SCO về mọi mặt.

Chương 2: ***Vai trò của Nga trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải***

Đây là nội dung chính của luận văn. Do vậy, chương này tập trung phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của Nga trong SCO theo cả hai khía cạnh tích cực và tiêu cực. Những đóng góp to lớn của Nga trên tất cả các lĩnh vực hợp tác an ninh-chính trị hay kinh tế-thương mại trong SCO và một số hạn chế trong vai trò của Nga cùng những nguyên nhân ẩn chứa được phân tích trong chương 2 này.

Chương 3: ***Dự báo triển vọng phát triển của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải và vai trò của Nga trong tổ chức này 10 năm tới***

Chương này đưa ra những dự báo về triển vọng phát triển của SCO. Từ việc phân tích thực trạng và sự vận động của các nhân tố bên trong và bên ngoài đã, đang và sẽ tác động đến Nga, chương này cũng đưa ra những dự báo về chiều hướng diễn tiến vai trò, vị thế của Nga trong SCO 10 năm tới.

26. Đề tài: Chính sách Châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Obama

Học viên: Bùi Quang Anh

Năm 2008, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu nổ ra đã làm thay đổi tương quan so sánh lực lượng trên thế giới. Trong lúc đó, khu vực châu Á - Thái Bình Dương với nền kinh tế năng động phát triển năng động, nhanh chóng nổi lên là khu vực có vai trò ngày càng quan trọng trong quan hệ quốc tế. Các cường quốc của khu vực như Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc… ngày càng phát huy vai trò, tầm ảnh hưởng của mình đe dọa vị thế số một của Mỹ tại khu vực. Trung tâm quyền lực thế giới đang dịch chuyển dần từ Tây sang Đông.

Tháng 01/2009, Barack Obama nhậm chức Tổng thống Mỹ và phải tiếp quản từ người tiền nhiệm Bush một di sản không dễ chịu chút nào đặc biệt là sự sao nhãng châu Á - Thái Bình Dương. Lợi dụng sự sao nhãng của Mỹ, các cường quốc khu vực, đặc biệt là Trung Quốc, đang mở rộng ảnh hưởng đe doạ tới vai trò của Mỹ trong khu vực. Sau khi lên nắm quyền, chính quyền Obama có những biểu hiện điều chỉnh chính sách châu Á - Thái Bình Dương. Đương nhiên, sự điều chỉnh của Mỹ đã có tác động mạnh tới các nước trong khu vực, trong đó gồm cả Việt Nam. Do đó, tác giả chọn đề tài: "***Chính sách châu Á – Thái Bình Dương của chính quyền Obama***".

Ngoài Mở đầu và Kết luận, luận văn gồm 3 chương

Chương 1: Chủ yếu nêu lên mục tiêu đối ngoại bao trùm và những yếu tố tác động đến việc hoạch định chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Chính quyền Obama.

Chương 2: Tác giả nêu lên quá trình hình thành và triển khai chính sách châu Á – Thái Bình Dương của chính quyền Obama đó là việc thực hiện những điều chỉnh quan trọng trong chính sách châu Á - Thái Bình Dương, sử dụng "sức mạnh thông minh" và chiến lược "thế kỷ Thái Bình Dương". Chính sách đối ngoại này được xây dựng trên ba trụ cột "chân kiềng" là kinh tế, an ninh chiến lược và giá trị dân chủ nhân quyền, thực hiện điều chỉnh chính sách theo hướng thực tế, đa phương, linh hoạt, mềm dẻo đến cứng rắn.

Chương 3: Đưa ra những nhận định về triển vọng của chính sách châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Obama trong thời gian tới; đánh giá các tác động và đưa ra một số kiến nghị đối với Việt Nam để tận dụng thời cơ và đẩy lùi các thách thức.

27. Đề tài: Vai trò của Indonesia trong ASEAN thời kỳ Tổng thống Susilo Bambang Yudhoyono

Học viên: Bạch Văn Hiếu

Được sáng lập năm 1967, ASEAN đã trải qua chặng đường dài đầy thử thách. Là một trong 5 quốc gia sáng lập ASEAN, Indonesia đã hoạt động tích cực, đóng góp nhiều sáng kiến cho Hiệp hội, góp phần làm cho ASEAN ngày càng phát triển vững mạnh. Sự thành công của ASEAN ngày nay là do nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thách thức của tất cả các nước thành viên. Trong đó, Indonesia, đặc biệt là thời Tổng thống Susilo Bambang Yudhoyono (SBY), là quốc gia có vai trò nòng cốt, góp phần đưa ASEAN thành một tổ chức uy tín và có vai trò quan trọng trong khu vực cũng như trên trường quốc tế.

Với mong muốn cung cấp cho đọc giả cái nhìn toàn diện hơn về tầm quan trọng của Indonesia đối với ASEAN cũng như những thuận lợi, thách thức đối với nước này trong thời gian tới, đồng thời rút ra một số bài học bổ ích trong định hướng công tác đối ngoại của Việt Nam đối với ASEAN nói chung và Indonesia nói riêng, luận văn ***"Vai trò của Indonesia trong ASEAN thời kỳ Tổng thống Susilo Bambang Yudhoyono"*** sẽ làm sáng tỏ những đóng góp của Indonesia đối với ASEAN trong những năm tổng thống SBY nắm quyền. Luận văn được chia làm ba chương. Trong ***chương 1***, tác giả nêu khái quát về tình hình thế giới, khu vực từ sau chiến tranh lạnh, tình hình ASEAN, Indonesia và quan hệ giữa ASEAN với Indonesia qua các thời kỳ. Ở ***chương 2***, tác giả tập trung làm rõ vai trò của Indonesia trong từng khía cạnh cụ thể như an ninh – chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và một số lĩnh vực chuyên ngành khác. Trong ***chương 3***, tác giả dự báo về một số khó khăn mà Indonesia sẽ phải đối mặt, đồng thời đưa ra một số dự báo về chính sách của Indonesia trong những năm tới và rút ra các bài học cho Việt Nam.

28. Đề tài: Vai trò của ngành dầu khí trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam

Học viên: Vũ Tiến Đạt

Việt Nam đã và đang từng bước thực hiện những quyết sách và hành động nhằm đảm bảo một tương lai với nguồn năng lượng bền vững. Ngày 27/12/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 1855/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2050, Việt Nam đã thể hiện rõ quyết tâm phát triển kinh tế đi đôi với sự đảm bảo và cân bằng về năng lượng. Trong đó, dầu khí được xem là tài nguyên quý hiếm, không thể tái tạo, là nguồn năng lượng và nguyên liệu quan trọng mang tính chiến lược, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Vì vậy, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày nay đòi hỏi ngành dầu khí Việt Nam cần tăng cường mở rộng quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập khu vực và thế giới để tìm kiếm cơ hội hợp tác mới trong lĩnh vực dầu khí với đối tác nước ngoài cả trong và ngoài nước.

Với vai trò to lớn của ngành dầu khí Việt Nam đối việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước, cũng như tích cực chủ động hội nhập quốc tế và góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia của ngành dầu khí Việt Nam trong tình hình mới. Do đó, tác giả đã chọn đề tài: ***"Vai trò của Ngành Dầu khí trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay"*** làm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ quan hệ quốc tế, đây là việc làm cần thiết cả về lý luận lẫn thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam.

Ngoài Mở đầu và Kết luận, Luận văn có kết cấu gồm 3 chương. Trong đó **Chương 1** giới thiệu một cách tổng quát về ngành công nghiệp dầu khí thế giới và quá trình hình thành, phát triển của ngành dầu khí Việt Nam. **Chương 2**, tác giả đề cập đến chính sách hội nhập quốc tế của Việt Nam kể từ sau Đại hội Đảng lần thứ VII năm 1991 đến nay. Đánh giá vai trò của ngành dầu khí Việt Nam trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là nhân tố quan trọng của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và góp phần bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia. **Chương 3**, tác giả trình bày khái quát về cơ hội, thách thức của ngành dầu khí Việt Nam kể từ khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nhận định về những biến động của khu vực và thế giới từ nay đến năm 2020. Từ đó, nêu ra các phương hướng và kiến nghị để phát triển một cách bền vững ngành dầu khí Việt Nam trong bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

29. Đề tài: Quan hệ Trung - Nhật và tác động đến an ninh khu vực Đông Bắc Á từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay

Học viên: Nguyễn Thị Thảo

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, các khu vực đều chứng kiến những chuyển biến đáng kể về kinh tế, chính trị, xã hội. Mức độ hội nhập khu vực và toàn cầu ngày càng cao dưới xu thế hòa bình, hợp tác cùng phát triển. Ở khu vực Đông Bắc Á ngoài sự năng động phát triển về kinh tế còn tiềm ẩn không ít các thách thức an ninh. Đây không chỉ là một khu vực thiếu đồng nhất về mặt văn hóa, lịch sử, chính trị và nền tảng xã hội mà còn đầy rẫy mâu thuẫn. Các thách thức an ninh này chủ yếu xuất phát và chịu tác động của quan hệ Trung – Nhật – hai chủ thể lớn nhất ở khu vực Đông Bắc Á (hệ quả của cặp quan hệ này là sự dính líu kéo theo của Mỹ vào khu vực). Không giống các cặp quan hệ nước lớn khác, quan hệ Trung – Nhật có những yếu tố đặc thù riêng, phần nhiều chịu tác động bởi yếu tố lịch sử, kế đó tranh chấp lãnh thổ đang ngày càng nóng trong giai đoạn tài nguyên (đặc biệt là dầu mỏ) trở thành nhu cầu và sự thèm khát của tất cả các nền kinh tế. Bên cạnh mặt cạnh tranh làm quan hệ hai bên luôn căng thẳng, mặt hợp tác cũng không kém phần nổi trội. Sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế Trung Quốc khiến nước này trở thành một đối tác kinh tế không thể thiếu đối với các nước lớn hiện nay, mà mức độ phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế ngày càng lớn trong giai đoạn hiện nay đã trở thành nguồn động lực chính thúc đẩy quá trình hợp tác trong quan hệ Trung – Nhật.

Quan hệ Trung – Nhật đã tác động đa chiều đến các vấn đề an ninh Đông - Bắc Á từ an ninh trong nội bộ các nước, an ninh khu vực (vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, vấn đề Đài Loan, vấn đề tranh chấp lãnh thổ, sự dính líu và can thiệp của các nước lớn, ..), đến tác động qua lại với các thách thức an ninh ngoài khu vực (sự bất ổn của tình hình Biển Đông, Trung Đông, Trung Á,..) để từ đó ảnh hưởng trở lại đến an ninh khu vực Đông Bắc Á. Do đó, việc nghiên cứu đề tài "***Quan hệ Trung – Nhật và tác động đến an ninh khu vực Đông Bắc Á từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay***" vừa phân tích làm rõ bản chất quan hệ hai nước lớn và tác động của nó đến môi trường an ninh của một khu vực sôi động và tồn tại không ít thách thức hiện nay, giúp lý giải nhiều vấn đề và đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề an ninh phức tạp, định hướng cách ứng xử của các nước vừa và nhỏ trong đó có Việt Nam, vừa dự báo các nguy cơ an ninh khi quá trình toàn cầu hóa làm các nguy cơ đó không còn bó hẹp trong phạm vi một quốc gia, khu vực.

30. Đề tài: Quan hệ Lào – Thái Lan từ năm 1975 đến nay

Học viên: Souksakhone

Tác giả chọn lựa đề tài ***" Quan hệ Lào - Thái Lan từ năm 1975 đến nay "*** với mục đích làm rõ thực trạng, chỉ ra những thành tựu và hạn chế của mối quan hệ giữa Lào và Thái Lan trên các lĩnh vực chủ yếu từ năm 1975 đến 2012, đồng thời nêu dự báo triển vọng quan hệ hai nước trong thời gian tới và đề xuất một số khuyến nghị giải pháp nhằm tăng cường quan hệ hợp tác Lào – Thái Lan. Thiết nghĩ, đây là vấn đề đáng quan tâm và cần giải quyết, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay. Lý giải sự chuyển biến của quan hệ này một cách khoa học sẽ có tác dụng tham khảo để rút ra những bài học kinh nghiệm hợp lý trong nhìn nhận mối quan hệ hai nước ở giai đoạn hiện nay và sau này.

Luận văn sẽ đi vào phân tích một cách có hệ thống về mối quan hệ giữa các mặt của hai nước Lào – Thái Lan từ năm 1975 đến nay. Đưa ra những nhận xét tổng quát về các mối quan hệ hai nước và phân tích những vấn đề còn tồn tại trong quan hệ hai nước. Đánh giá tác động của khu vực, quốc tế đối với cặp Quan hệ Lào – Thái Lan và đưa ra những nhận định, dự báo về quan hệ hai nước trong thời gian tới. Cung cấp nguồn tư liệu tương đối phong phú và tin cậy về quan hệ Lào – Thái Lan, sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu mối quan hệ Lào – Thái Lan sau này.

Kết cấu của luận văn, ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm có 3 chương :

Chương 1: Nói đến những nhân tố tác động tới mối quan hệ Lào – Thái Lan từ năm 1975 đến nay. (Tình hình thế giới và khu vực, quan hệ Lào – Thái Lan trước năm 1975 và lợi ích của Lào – Thái Lan trong việc phát triển quan hệ với nhau)

Chương 2: Chủ yếu tập trung vào một số điểm như quan hệ hợp tác về mặt chính trị an ninh và mặt kinh tế thương mại giữa Lào – Thái Lan và đánh giá những quan hệ của hai nước. Các chính sách của Lào và Thái Lan đối với nhau, thành tựu và hạn chế trong quan hệ hai nước và bài học rút ra đối với Lào.

Chương 3: Triển vọng quan hệ hai nước trong tương lai quyết tâm phấn đấu đưa mối quan hệ Lào – Thái Lan lên tầm cao mới vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

31. Đề tài: Vai trò của báo mạng đối với Ngoại giao văn hoá: Trường hợp Việt Nam

Học viên: Nguyễn Lê Phương

Sức lan toả của một nền VH không chỉ giới hạn ở khoảng thời gian và lịch sử tồn tại của một dân tộc, mà còn là ảnh hưởng về mặt không gian đối với các dân tộc khác, với khu vực và toàn thế giới. Thực tế này giải thích vì sao các quốc gia trên thế giới tìm mọi cách để quảng bá và bảo tồn giá trị VH của dân tộc mình ở bên ngoài lãnh thổ. Trong xu thế hợp tác, hữu nghị và cùng phát triển, người ta đã nói nhiều tới sức mạnh mềm như một công cụ sắc bén để cạnh tranh ảnh hưởng và đảm bảo lợi ích quốc gia. Cho đến tháng 02/2011, VN mới có chiến lược NGVH đến năm 2020 nhằm góp phần nâng cao vị thế và hình ảnh quốc gia, giúp các nước hiểu rõ hơn về nền văn hiến và con người VN.

Vai trò của truyền thông đối với hoạt động NGVH ở trong cũng như ngoài nước chưa được chú ý. Truyền thông chưa thực sự trở thành công cụ, phương tiện truyền bá, phát tán và thẩm thấu giá trị VH. Thực tế cho thấy ngay tại địa bàn mà các cơ quan đại diện báo chí truyền thông như TTXVN, Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói không biết hoặc không được thông báo về những hoạt động quảng bá.

Trong khi đó, được hình thành trên nền tảng Internet, báo mạng nổi lên như một thế lực mới, chi phối tới toàn bộ hoạt động truyền thông. Tuy nhiên, cần phải thừa nhận một thực tế là báo mạng chưa phát huy được vai trò trong nỗ lực thúc đẩy các hoạt động NGVH. Điểm mấu chốt là chưa có một cơ chế thích hợp để thông qua đó, BM thúc đẩy NGVH, trở thành công cụ truyền tải, phát tán và thẩm thấu VH, từ đó xây dựng hình ảnh quốc gia. Đó chính là lý do thực hiện đề tài của luận văn này.

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về NGVH và báo mạng. Bên cạnh đó tìm hiểu thêm về sức mạnh mềm và mạng xã hội; Mối quan hệ giữa NGVH, sức mạnh mềm và báo mạng; Đánh giá thực trạng việc vận dụng và phát huy vai trò của báo mạng đối với NGVH thời gian qua; Nghiên cứu các ví dụ trên thế giới và liên hệ tới trường hợp Việt Nam trong bối cảnh tình hình hiện nay; Nghiên cứu lý luận về báo mạng, mạng XH, NGVH, sức mạnh mềm. Trên cơ sở phân tích đánh giá thực tế hiện nay, bổ sung và làm giàu nền tảng lý luận kể trên; Vận dụng cơ sở lý luận để đánh giá những khó khăn, hạn chế và tiềm năng của báo mạng đối với NGVH; Đưa ra các giải pháp tăng cường cơ chế báo mạng thúc đẩy NGVH.

32. Đề tài: Kiến trúc an ninh khu vực Châu Á – Thái Bình Dương: Thực trạng và triển vọng

Học viên: Trần Hữu Duy Minh

Khu vực châu Á – Thái Bình Dương (CA – TBD) là một khu vực có vị trí quan trọng trong quan hệ quốc tế hiện nay, bao gồm hai cường quốc có tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới (Mỹ và Trung Quốc) cùng các cường quốc khác như Nhật Bản. Về mặt an ninh, khu vực CA – TBD hiện giữ được một nền hòa bình, ổn định chung. Tuy nhiên, các nguy cơ an ninh vẫn tồn tại và một số trong đó đang có những diễn biến mạnh như vấn đề Biển Đông và Bắc Triều Tiên.

Đối mặt với những nguy cơ an ninh trên, khu vực CA – TBD đang tồn tại kiến trúc an ninh như thế nào và triển vọng phát triển của kiến trúc đó sẽ ra sao trong bối cảnh phức tạp? Vai trò, vị trí và chính sách của Việt Nam cần lưu ý những điểm gì để có thể thích ứng và sử dụng tốt kiến trúc an ninh khu vực? Luận văn có mục tiêu nhằm nghiên cứu 3 vấn đề chính: Mô tả và đánh giá thực trạng của kiến trúc an ninh hiện thời; Dự báo triển vọng phát triển của kiến trúc này trong tương lai trung hạn; Kiến nghị chính sách cho Việt Nam phù hợp với hiện trạng và triển vọng trên.

Với những phân tích và nghiên cứu, luận văn rút ra các kết luận cho ba câu hỏi nghiên cứu trên như sau:

1. Kiến trúc an ninh khu vực châu Á – Thái Bình Dương đã *cơ bản* hình thành những nét phác họa với một tập hợp các cơ chế chồng chéo phủ khắp tất cả các nước. Kiến trúc khu vực bao gồm bốn lớp cơ chế hợp tác: cơ chế song phương, vụ việc, đa phương mở rộng và các kênh phi chính thức. Trong các cơ chế này, hợp tác song phương là cơ chế phổ biến và chiếm trọng tâm nhất.

2. Mỹ, Trung Quốc và ASEAN là ba chủ thể chính vận hành kiến trúc khu vực; theo đó diễn biến của quan hệ Mỹ - Trung và triển vọng phát triển của ASEAN trong tương lai sẽ là hai nhân tố quan trọng nhất quyết định xu hướng phát triển của kiến trúc khu vực đến khoảng năm 2020. Kiến trúc khu vực có nhiều khả năng phát triển nhưng sẽ không vượt quá những đặc trưng chính hiện nay đã hình thành, trong đó quan trọng nhất là trật tự hai cực yếu khu vực cơ bản đã định hình và khó có khả năng thay đổi.

3. Trong xu thế phát triển này Việt Nam cần phải sử dụng tốt kiến trúc an ninh để có thể bảo vệ lợi ích của mình. Lợi ích trực tiếp nhất của Việt Nam hiện thời là đảm bảo giữ ổn định tình hình Biển Đông.

33. Đề tài: Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: Lê Đức Anh Tuấn

Quan hệ song phương đã thực sự có những bước phát triển nhanh đầu thế kỉ 21, do có những thay đổi trong chính trị nội bộ của Mỹ, sự kiện 11/9/2001 và cuộc chiến chống khủng bố cũng như mục tiêu vươn lên thành cường quốc về mọi mặt và sự tìm kiếm nhân tố đảm bảo cho mục tiêu này của Ấn Độ.

Với mục tiêu và lợi ích chiến lược xuyên suốt là duy trì vị trí siêu cường số 1, Mỹ rõ ràng đã ý thực được mối đe dọa đến từ Trung Quốc, dù cho Bắc Kinh đã không ngừng tuyên truyền về "*sự trỗi dậy hòa bình*". Sự lớn mạnh của Trung Quốc, dù lớn hay không, cũng tác động đến vai trò ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực cũng như trên toàn cầu. Rõ ràng, Trung Quốc không chỉ bằng lòng với vị trí của một cường quốc khu vực mà còn đang vươn tầm ảnh hưởng tới các khu vực vốn không phải khu vực ảnh hưởng truyền thống của mình như châu Phi hay châu Mỹ La-tinh. Có thể thấy, xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Ấn Độ sẽ cho phép Mỹ có được "*con bài*" để đối trọng với Trung Quốc trong một cuộc cạnh tranh chiến lược trong tương lai.

Sự kiện 11/9 cũng đánh dấu bước chuyển trong chính sách chống vũ khí hủy diệt hàng loạt của Mỹ. Để thực hiện những ưu tiên trong chính sách này, Mỹ cần tăng cường hợp tác quốc tế, hay nói cách khác là cần sự hỗ trợ của các nước lớn như Ấn Độ. Một phần cũng bởi đồng minh Pakistan của Mỹ tại Nam Á không đáng tin cậy, dẫn đến nguy cơ các nhóm khủng bố Hồi giáo có thể tiếp cận với các nguyên liệu cần thiết để chế tạo bom hạt nhân…

Về phía mình, Ấn Độ cũng rất mong muốn xích lại gần Mỹ để tạo cân bằng lực lượng với Trung Quốc tại khu vực. Ngoài ra, Mỹ cũng chính là chìa khóa cho vấn đề năng lượng của nền kinh tế Ấn Độ.

Mỹ và Ấn Độ đều là những cường quốc lớn trên thế giới. Tiếng nói của họ có trọng lượng lớn trong các vấn đề quốc tế. Những khác biệt trong ứng xử quốc tế của hai chủ thể này sẽ có những ảnh hưởng to lớn đến chính trường quốc tế và vì vậy mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ cần được quan tâm xác đáng. Với lí do như vậy, vấn đề "***Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong thập niên đầu thế kỷ XXI***" được chọn là đề tài luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

34. Đề tài: START II và những hệ lụy liên quan tới quan hệ Nga - Mỹ

Học viên: Bùi Phúc Long

Thế giới vẫn đang trong quá trình hình thành một trật tự thế giới mới, một trật tự có thể chế định hành vi của mỗi chủ thể trên trường quốc tế. Quá trình này diễn ra phức tạp, chứa đầy những yếu tố bất trắc, tiềm ẩn những nguy cơ mới đối với hòa bình và an ninh của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, hòa bình, hợp tác và phát triển là nhu cầu không của riêng ai.

Trong tình hình đó, các nước lớn nhỏ đều cần phải có sự điều chỉnh chiến lược, chính sách đối ngoại để tìm cho mình vị thế tốt nhất có thể trên trường quốc tế. Nga và Mỹ cũng có những điều chỉnh chiến lược, chính sách đối ngoại nói chung, trong quan hệ vơi nhau nói riêng, thể hiện tham vọng, ý đồ, mục tiêu chiến lược của mình.

Vũ khí hạt nhân là một trong những loại vũ khí giết người hàng loạt, có sức mạnh và tính hủy diệt, do vậy, sự ra đời của loại vũ khí nguy hiểm này đã tác động mạnh đến nền chính trị quốc tế. Vũ khí hạt nhân gắn với vai trò răn đe trong quan hệ giữa các quốc gia trên thế giới, là biểu tượng của sức mạnh quân sự, biểu trưng của nước lớn. Điều đó thôi thúc các quốc gia tìm kiếm, chế tạo và sở hữu vũ khí hạt nhân để dùng nó làm công cụ phục vụ mục tiêu của mình. Tuy nhiên, sau Chiến tranh lạnh, không chỉ có các quốc gia muốn sở hữu công nghệ vũ khí hạt nhân, mà thậm chí các chủ thể phi nhà nước như các tổ chức khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia cũng muốn dùng vũ khí hạt nhân trở thành công cụ thực hiện mưu đồ chính trị, tạo ảnh hưởng trong nền chính trị thế giới.

Đứng trước những nguy cơ rủi ro vũ khí hạt nhân có thể đem lại cho chính mình, Nga – Mỹ không thể khoanh tay đứng nhìn bởi tai họa do vũ khí hạt nhân gây ra là những vấn đề toàn cầu không thể giải quyết trong chốc lát, nó tác động mạnh đến an ninh của từng quốc gia trên thế giới nói riêng cũng như an ninh quốc tế nói chung, đặc biệt trong thời kỳ chủ nghĩa khủng bố đang phát triển như hiện nay. Chính vì lẽ đó, Nga – Mỹ cần đóng vai trò đầu tàu, tiên phong trong việc cắt giảm kho vũ khí hạt nhân của riêng minh. Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược START như một minh chứng cho những nỗ lực hợp tác của cả hai bên vì nền hòa bình của nhân loại.

35. Đề tài: Chính sách Đông Nam Á của Chính quyền Obama

Học viên: Nguyễn Thu Trang

Bước vào thế kỷ XXI, đặc biệt là từ sau sự kiện khủng bố tại Mỹ ngày 11/9/2001, Mỹ đã điều chỉnh chiến lược toàn cầu và phát động cuộc chiến chống khủng bố. Chống khủng bố đã trở thành ưu tiên số một, quan trọng hơn bao giờ hết đối với nước Mỹ trong suốt thời gian nắm quyền của Tổng thống G. Bush và cũng chính nó đã tạo ra những đổi thay trong chiến lược toàn cầu của Mỹ nói chung, chính sách đối với CA - TBD và Đông Nam Á nói riêng. Sự kiện 11/9 đã buộc chính quyền G. Bush phải xem xét lại chính sách Đông Nam Á của mình. Sự hoạt động của các tổ chức Hồi giáo cực đoan, mối liên hệ của chúng với tổ chức Al Qaeda là đe dọa lớn nhất đối với an ninh của Mỹ. Đông Nam Á đã trở thành một trong những mặt trận chính trong cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ. Thông qua hoạt động chống khủng bố, Mỹ tăng cường sự hiện diện quân sự tại khu vực đồng thời lôi kéo, gây áp lực với các nước nhằm tập hợp lực lượng hình thành "*liên minh chống khủng bố*" do Mỹ cầm đầu.

Lên nhậm chức trong bối cảnh nước Mỹ gặp nhiều khó khăn về đối nội và đối ngoại, chính quyền Obama đã và đang tiến hành điều chỉnh tương đối lớn về chính sách đối ngoại: đẩy mạnh hàn gắn quan hệ với các nước, trong đó có các nước trước đây Mỹ coi là kẻ thù; chia sẻ trách nhiệm lớn hơn với đồng minh và các nước lớn như Nga, Trung Quốc…Tại châu Á – Thái Bình Dương và Đông Nam Á, Tổng thống Obama điều chỉnh chính sách theo hướng coi trọng hơn khu vực này, tự nhận là "*tổng thống Thái Bình Dương đầu tiên của Mỹ*". Mỹ cũng tỏ ra coi trọng hơn vị trí và vai trò của ASEAN về địa – chiến lược và tham gia sâu hơn vào các thể chế tại khu vực.

Trong bối cảnh đó, chính sách Đông Nam Á của chính quyền Obama có những điều chỉnh mới bên cạnh những chính sách đã được xác lập từ thời chính quyền Bush. Việc nghiên cứu chính sách này trong gần 4 năm cầm quyền của chính quyền Obama có tính thời sự cao, qua đó giúp nhận thức những điểm kế thừa và điều chỉnh chính trong chính sách đối ngoại của chính quyền Obama với Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng, từ đó góp phần vào hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của các nước Đông Nam Á và Việt Nam với một đối tác hàng đầu là Mỹ.

36. Đề tài: Quan hệ Việt Nam – Tây Ban Nha từ 1997 – 2011

Học viên: Nguyễn Như Thuỳ

Tây Ban Nha là nền kinh tế lớn thứ 9 thế giới với những tiềm năng lớn về vốn, công nghệ, khoa học, y tế, giáo dục... và có ảnh hưởng nhất định với các vấn đề quốc tế. Mục tiêu của Tây Ban Nha là nhằm duy trì và nâng cao vị thế đã đạt được, làm cho tên tuổi của Tây Ban Nha đồng nghĩa với đoàn kết, công lý và nhân văn trên khắp thế giới. Đối với châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng, Tây Ban Nha khẳng định đây là một trong những trung tâm quan trọng của thế giới và nếu Tây Ban Nha muốn có vai trò toàn cầu thì phải tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng của mình tại khu vực này.

Việt Nam chủ trương "đa phương hóa, đa dạng hóa" các quan hệ đối ngoại, chú trọng đến lợi ích của quốc gia, dân tộc. Phương châm của Việt Nam là tranh thủ sự ủng hộ, hợp tác của các nước trong cộng đồng quốc tế, trong đó có Tây Ban Nha.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: ***Bối cảnh quốc tế và những những nhân tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Tây Ban Nha (1997 - 2011):*** phân tích về tình hình quốc tế và khu vực vào thời điểm trước 1997 để làm rõ sự tác động của bối cảnh lịch sử đến mối quan hệ giữa Việt Nam - Tây Ban Nha;

Chương 2: ***Thực trạng quan hệ Việt Nam - Tây Ban Nha giai đoạn 1997 - 2011:*** phân tích mối quan hệ song phương giữa hai nước Việt Nam và Tây Ban Nha trong khung thời gian đã ấn định (từ năm 1997 đến thời điểm hiện nay) trên các lĩnh vực chủ yếu: Quan hệ hợp tác chính trị - ngoại giao, Quan hệ kinh tế - thương mại - đầu tư và Quan hệ hợp tác văn hóa - giáo dục - thể thao - du lịch.

Chương 3: ***Đặc điểm và triển vọng của quan hệ Việt Nam - Tây Ban Nha:*** Trên cơ sở của việc phân tích lý giải trong các chương trên, trong chương này tác giả luận văn rút ra một vài đặc điểm của quan hệ Việt Nam - Tây Ban Nha (1997 - 2011), nêu lên những thuận lợi cũng như hạn chế trong mối quan hệ song phương này và từ đó bước đầu dự đoán về triển vọng của mối quan hệ Việt Nam - Tây Ban Nha trong thời gian tới.

37. Đề tài: Tác động an ninh phi truyền thống trong quan hệ Mỹ ASEAN sau sự kiện 11/09/2001

Học viên: Đinh Thị Hiền Vân

Ngày nay, an ninh của một quốc gia không chỉ bó hẹp trong phạm vi truyền thống là các nhân tố chính trị và quân sự nữa, mà chịu sức ép của nhiều yếu tố kinh tế, xã hội, sắc tộc, tôn giáo, bệnh dịch, buôn lậu xuyên quốc gia, tài nguyên môi trường, sức khoẻ, lương thực,... trở thành một bộ phận rất quan trọng của an ninh quốc gia.

Cuộc chiến chống khủng bố làm Mỹ thay đổi cách nhìn nhận đối với khu vực châu Á Thái Bình Dương nói chung và ASEAN nói riêng, tạo một bước ngoặt mới trong chính sách của Mỹ đối với khu vực. Sau hơn một thập kỷ sao nhãng và không can dự vào khu vực Đông Nam Á, sự kiện 11/09/2001 lại một lần nữa khiến khu vực này trở nên quan trọng trong chiến lược đối ngoại của Mỹ. Sự quan trọng này được thể hiện theo cấp độ tăng dần và có nhiều thay đổi qua hai thời kỳ của chính quyền Tổng thống G. Bush và Tổng thống B. Obama. Trên phương diện chính trị ngoại giao cũng như an ninh khu vực, từ chỗ sao nhãng và bỏ lại "*một khoảng chống quyền lực*", không có chiến lược lâu dài và định hình với khu vực Đông Nam Á sau thời kỳ chiến tranh lạnh đến chỗ Mỹ quay trở lại Đông Nam Á với phương thức "*tiếp xúc sâu sắc*", "*mềm mỏng*", "*linh hoạt*", "*khéo léo*" với chủ trương can dự sâu và có tính thực chất với các công việc của ASEAN.

Các quốc gia ASEAN cũng mong muốn thông qua việc đảm bảo ứng phó với các vấn đề ANPTT ở khu vực CATBD, nước Mỹ sẽ có can dự sâu và có trách nhiệm hơn đối với các vấn đề của khu vực. Điều này trong tương lai gần hoàn toàn có thể thành sự thật, vì nó không hề trái với lợi ích cốt lõi của Mỹ cũng như các quốc gia Đông Nam Á trong thực hiện mục tiêu duy trì môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển kinh tế và xã hội. Tuy nhiên cũng cần biết rằng, sự nóng lên và gia tăng của những thách thức ANPTT và sự trỗi dậy của Trung Quốc là những vấn đề nằm ngoài khả năng giải quyết của ASEAN và các diễn đàn an ninh song phương hay đa phương ở khu vực. Những quyết định mà Mỹ và Trung Quốc đưa ra, với những lý lẽ của họ, sẽ định hình nên môi trường an ninh khu vực. Các mạng lưới đa phương, chính thức cũng như không chính thức, có điều kiện phát triển hơn trước nhưng ít khả năng trở thành mô thức hợp tác chủ đạo. Liên kết về kinh tế sẽ đi trước liên kết chính trị - an ninh làm bàn đạp cho liên kết chính trị - an ninh phát triển. Tăng cường hợp tác, cùng nhau phối hợp hành động chung đang là xu thế và giải pháp quan trọng nhằm đối phó với các vấn đề ANPTT hiện nay.

38. Đề tài: "Mùa xuân Ả-rập" tại Trung Đông - Bắc Phi và những hệ lụy

Học viên: Phạm Bích Thuỷ

Trung Đông - Bắc Phi là khu vực có liên quan chặt chẽ tới Việt Nam xét cả dưới góc độ trực tiếp lẫn gián tiếp, đặc biệt, những bài học rút ra từ "Mùa xuân Ả-rập".Cho đến nay, chưa có công trình nghiên cứu của các học giả châu Á với góc nhìn châu Á và đặc biệt là góc nhìn từ các nước đang phát triển, nơi có trình độ phát triển gần tương tự và thể chế chính trị tồn tại cùng với thời gian các chế độ chính trị bị lật đổ tại Trung Đông - Bắc Phi vừa qua.

Luận văn đi nghiên cứu: Khái quát diễn biến "Mùa xuân Ả-rập" từ đó rút ra đặc điểm; Phân tích, đánh giá nguyên nhân dẫn tới "Mùa xuân Ả-rập"; Làm rõ những hệ lụy có khả năng nảy sinh từ "Mùa xuân Ả-rập".

Ngoài Mở đầu và Kết luận, Luận văn chia thành 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: ***Tổng quan về "Mùa xuân Ả-rập",*** khái quát sự kiện tại Tuy-ni-di – điểm khởi đầu của "Mùa xuân Ả-rập", kéo theo đó là hiệu ứng Đô-mi-nô tại một loạt nước Trung Đông - Bắc Phi, dẫn tới sự ra đi, sự thay đổi của một loạt các chính phủ trong khu vực.

Chương 2: ***Nguyên nhân dẫn đến "Mùa xuân Ả-rập":*** phân tích các nguyên nhân dẫn đến "Mùa xuân Ả-rập", các nguyên nhân bên trong xuất phát từ sự bất cập của thể chế chính trị dẫn tới sự điều hành yếu kém của các chính phủ trong quản lý, điều hành và phát triển kinh tế; sự thiếu đồng bộ giữa cải cách kinh tế và cải cách chính trị; yếu kém trong xử lý khủng hoảng, sự bất bình đẳng xã hội, bất mãn trong dân chúng...; Nguyên nhân bên ngoài dẫn tới biến động chính trị là tác động của khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu, sự can thiệp của các nước lớn, và đặc biệt ở đây có yếu tố vai trò của truyền thông.

Chương 3: ***Hệ luỵ của "Mùa xuân Ả-Rập" & những bài học:*** đề cập đến một số hệ lụy có thể nhìn thấy, đó là: nguy cơ bất ổn định kéo dài và lan rộng tại các nước trong khu vực**,** những tác động tới kinh tế và an ninh toàn cầu. Nguy cơ "bị can thiệp bất cứ lúc nào" đặt ra và trở thành thách thức cho mọi quốc gia.

39. Đề tài: Vai trò của ILO trong xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam

Học viên: Nguyễn Thị Thảo Linh

Bước sang những năm đầu tiên của thế kỷ XXI, đói nghèo vẫn là vấn đề có tính toàn cầu. Đây cũng là một trong 8 mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc (LHQ) mà tất cả các nước thành viên nhất trí phấn đấu đạt được vào năm 2015. Trong cuộc chiến này, Việt Nam được đánh giá là một trong những nước có công tác xoá đói giảm nghèo tốt nhất theo tiêu chuẩn và phương pháp xác định chuẩn nghèo khổ của Ngân hàng Thế giới (WB). Bên cạnh những tổ chức lớn với lịch sử lâu đời và có uy tín của LHQ như Tổ chức nông lương (FAO), Chương trình Phát triển LHQ (UNDP)… thì Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) những năm gần đây cũng được nhắc đến thường xuyên hơn, với vai trò to lớn trong việc hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam. ILO đã và đang hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho Chính phủ Việt Nam và các tổ chức xã hội là đối tác của ILO, tổ chức đại diện cho người lao động và người sử dụng lao động ở Việt Nam ngay từ khi công cuộc đổi mới bắt đầu.

Ngoài Mở đầu và Kết luận, Luận văn chia thành 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: ***Một số vấn đề chung về Tổ chức Lao động quốc tế:*** đề cập đến lịch sử hình thành, thành viên và cơ cấu tổ chức của ILO cũng như nhiệm vụ, mục tiêu và một số hình thức hỗ trợ của ILO.

Chương 2: ***Tổ chức Lao động quốc tế và công cuộc xoá đói giảm nghèo tại Việt Nam:*** đề cập đến một số vấn đề chung về đói nghèo, tình hình đói nghèo tại Việt Nam cũng như thành tựu xóa đói giảm nghèo của Việt Nam sau 10 năm thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc; một số biện pháp kinh tế vĩ mô nhằm cải thiện đời sống cho người nghèo.

Chương 3: ***Kết luận:*** Một số đề xuất và kiến nghị nhằm tăng cường vai trò của ILO trong xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam về cả hai phía Việt Nam và ILO